

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6374

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 61 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	419H0120	Lê Nhật	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0336	Nguyễn Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0519	Lâm Gia	Bội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0525	Võ Thành	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0024	Hồ Hữu	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0351	Nguyễn Trường	Duẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0620	Phan Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0218	Nguyễn Bá	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0627	Trà Lâm Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0632	Hà Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0361	Nguyễn Minh Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0637	Nguyễn Văn	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0371	Đặng Nhật	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	519V0043	Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0378	Nguyễn Hoàng	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0551	Tô Vũ	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0085	Nguyễn Nhật	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0093	Phan Phi	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0553	Thái Ngọc Thiên	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520H0385	Lê Gia	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6374

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 61 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520H0558	Lưu Phước Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	520H0402	Nguyễn Lê Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	520H0571	Lê Huỳnh Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	520H0575	Phạm Duy Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	520H0576	Lê Nguyễn Thanh Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	520H0681	Nguyễn Duy Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	520H0495	Lâm Trí Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	520H0167	Phan Vĩnh Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	520H0584	Mai Lê Phú Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	520H0177	Nguyễn Đình Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	520H0190	Ngô Quốc Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	520H0196	Huỳnh Trương Hiển Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6375

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 58 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0603	Lê Đức	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0323	Nguyễn Hà Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0513	Mai Thế Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0514	Nguyễn Thanh	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0618	Thái Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0039	Nguyễn Quốc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0041	Đặng Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0337	Võ Thị Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0531	Huỳnh Nhật	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0631	Phan Hoàng Vinh	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0342	Lê Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0639	Trương Thái Gia	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0641	Phạm Đình	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0345	Nguyễn Nguyệt Minh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0537	Tiên Phú	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0538	Trần Văn	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0540	Đỗ Đức Gia	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0648	Trần Phi	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0074	Cao Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0074	Trần Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6375

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 58 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520H0654	Lê Xuân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0367	Nguyễn Hiếu	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	520H0665	Nguyễn Hữu Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	520H0564	Nguyễn Tiến	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0285	Nguyễn Thị	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	520H0422	Phan Quốc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	020H0407	Nguyễn Ngọc Trường	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	520H0583	Huỳnh Trần Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	520H0587	Nguyễn Chánh	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	520H0688	Đinh Quang	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	520H0591	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	520H0592	Trần Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	520H0695	Trang Thanh	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6403

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 51 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0600	Chung Vinh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0335	Nguyễn Chí	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0609	Trịnh Huỳnh Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0345	Hà Quốc	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0022	Trương Võ Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0453	Huỳnh Thành	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0045	Văn Thiện	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0037	Lưu Nguyễn Hoàng	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0630	Lương Thị Lê	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0460	Lê Tự	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0645	Phạm Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0647	Trần Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0251	Dương Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0555	Đỗ Hoàng Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0082	Huỳnh Dũng	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0660	Huỳnh Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0661	Bùi Vi Ngọc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0669	Lương Ngọc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0676	Nguyễn Nhật Phương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520H0682	Tạ Quang	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6403

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 51 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520H0586	Mai Phước Tín			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6404

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 51 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0315	Trần Thái Đức	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0321	Lê Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0331	Nguyễn Dương Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0045	Nguyễn Hữu	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0046	Nguyễn Tuyết	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0343	Hứa Vĩnh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0346	Trần Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0061	Trần Đăng	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0361	Nguyễn Hoàng Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0260	Lữ Tuyết	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0369	Trương Phan Hoàng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0111	Ngô Cao	Nhiệm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0382	Nguyễn Hải Nguyên	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0384	Dương Võ Gia	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0386	Phạm Thiên	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0395	Ngô Minh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0150	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0403	Văn Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0304	Nguyễn Thị Lan	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0179	Cao Hoài	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6404

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 51 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0198	Nguyễn Đăng Thúy Vy			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	⓪ ⓫ ⓬ ⓷ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6405

Trang: 1/1

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 54 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0234	Trần Lương Thảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0063	Trần Ngọc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0066	Nguyễn Hoàng Phúc	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0080	Phan Hoàng Vũ	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0364	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0099	Ngô Hoài Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0265	Đoàn Thế Khôi	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0375	Nguyễn Ngọc Ái	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0116	Võ Mai Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0125	Nguyễn Thị Hoa	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0283	Nguyễn Đặng Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0390	Nguyễn Ngọc Xuân	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0141	Huỳnh Thanh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0396	Nguyễn Tuyết	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	519V0054	Lê Hữu	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0160	Hoàng Vinh	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0400	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0151	Lê Trần Duy	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0185	Ngô Thị Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0428	Lương Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6406

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 54 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0604	Lư Minh	Bân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0623	Nguyễn Hải	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0341	Trần Thu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0534	Võ Vương	Hóa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0649	Trần Quang	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0390	Phạm Đăng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0268	Trần Bảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0392	Trương Phúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0663	Phạm Lê Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0566	Phan Vĩ	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0389	Đặng Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0281	Lê Thị Cẩm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0578	Nguyễn Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B19H0309	Huỳnh Nhật	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0497	Nguyễn Thanh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0425	Bùi Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0165	Trần Ngọc Yến	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0585	Hồ Lê Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0690	Nguyễn Đức	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520H0442	Ngô Trường	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6406

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 54 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520H0599	Dương Ngọc Bảo Yến			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	⓪ ⓫ ⓬ ⓷ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6407

Trang: 1/1

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 56 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0316	Trương Thị Thu	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0319	Lê Nguyễn Duy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0328	Bùi Bảo	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0018	Hoàng Thái	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0330	Mã Tú	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0233	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0051	Phạm Quế	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0082	Võ Quốc	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0355	Đinh Vũ Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0253	Lê Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0266	Tôn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0270	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0118	Trần Tiến	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0130	Nguyễn Lương	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0147	Nguyễn Minh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0294	Hồ Thụy Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0296	Trần Tiến Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0325	Phan Hoàng	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0191	Lê Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0311	Hứa Bảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6408

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 56 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0601	Nguyễn Quốc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0515	Nguyễn Tú Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0520	Bùi Quang Chí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0616	Bùi Đình Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0621	Nguyễn Triều Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0622	Lê Bá Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0070	Lâm Chí Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0547	Bùi Trung Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0549	Hoàng Huỳnh Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0086	Phạm Nguyễn Thiên Lân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0655	Lang Nhật Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0554	Hoàng Vũ Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0559	Lê Phước Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0393	Ngô Trọng Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0560	Lê Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0396	Nguyễn Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0383	Lê Hoàng Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0664	Hà Sỹ Tân Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0667	Trần Cự Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520H0484	Nguyễn Hữu Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6408

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 56 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520H0418	Phạm Phước	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	520H0588	Nguyễn Lê Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	520H0589	Nguyễn Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6409

Trang: 1/1

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 55 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0508	Đào Duy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0512	Trần Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0011	Chu Trần Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0339	Đinh Huỳnh	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0516	Trần Lê Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0517	Trần Thiên	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0523	Tăng	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0348	Phạm Nguyễn Phát	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0225	Trần Huỳnh Duy	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0530	Hứa Tuấn	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0067	Nguyễn Minh An	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0465	Huỳnh Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0543	Nguyễn Quang	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0473	Huỳnh Hữu	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0278	Phan Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0150	Phạm Hoàng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0165	Nguyễn Xuân	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0185	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0198	Lục Tân	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6410

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 55 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0446	Trương Tuấn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0211	Võ Thanh Danh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0349	Trương Châu Điền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0617	Lữ Ngọc Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0619	Kuo Nhan Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0352	Lê Nhật Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0635	Trần Khải Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0536	Lê Quốc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0373	Nguyễn Lê Minh Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0464	Nguyễn Gia Khiêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0384	Vũ Tuấn Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0472	Cao Đức Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0659	Trịnh Cẩm Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0387	Phạm Ngọc Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0388	Hoàng Ngọc Ngọ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0399	Phạm Thành Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0401	Lê Gia Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0675	Nguyễn Đình Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0435	Lâm Ngọc Nga Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520H0319	Trần Thành Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6410

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 55 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520H0694	Nguyễn Anh Tuân			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	520H0440	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6411

Trang: 1/1

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 53 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0509	Đào Tường Lâm Quyền	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0524	Châu Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0528	Trần Khánh	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0532	Mạch Vĩnh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0051	Nguyễn Hồ Nhật	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0463	Nguyễn Hoàng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0079	Bùi Anh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0658	Nguyễn Khánh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0674	Trần Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0572	Tống Thị Diệu	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0574	Nguyễn Thành	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0678	Trần Trung	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0412	Đặng Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0415	Trịnh Hoàng Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0417	Phạm Ngọc Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0594	Nguyễn Đặng Như	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0193	Quang Chí	Ví		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0596	Dương Chấn Nhật	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0696	Phan Anh	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6412

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 53 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0215	Nguyễn Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0333	Ngô Thị Kim	Cương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0347	Trần Hữu	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0349	Chu Vĩnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000760	Lai Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0359	Huỳnh Quang Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0362	Nguyễn Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0098	Nguyễn Huỳnh Diễm	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0101	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0379	Nguyễn Thanh	Nhơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0381	Khuê Lễ	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0289	Sa Y	Thah		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0290	Đặng Vũ Quang	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0293	Nguyễn Hải Minh	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0406	Phan Thị Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0408	Nguyễn Thị Anh	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0409	Lê Võ Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0305	Nguyễn Ngọc	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0196	Lê Thị Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0202	Nguyễn Phạm Nhật	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6412

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 53 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0431	Đinh Thị Thanh Xuân			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6413

Trang: 1/1

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 52 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0510	Nguyễn Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0448	Hồ Đăng Phúc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0350	Võ Anh	Doanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0529	Lê Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0219	Nguyễn Nhất	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0222	Đỗ Ngọc Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0034	Lê Đăng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0535	Nguyễn Đồng	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0462	Bùi Nhật	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0542	Trần Hữu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0241	Ong Trương Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0272	Phạm Hùng	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	519V0059	Nguyễn Thị Bích	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0128	Huỳnh Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0137	Nguyễn Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0133	Trần Thị Lê	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0289	Nguyễn Lê Đức	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0176	Trần Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0195	Huỳnh Thị Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0197	Lương Ngọc Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6414

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 52 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0606	Huỳnh Thanh Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0610	Trần Tâm	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0611	Võ Thành	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0613	Lâm Viễn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0614	Nguyễn Công Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0629	Lý Chí	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0634	Ngô Thanh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0644	Nguyễn Nhựt	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0653	Nguyễn Thanh Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0557	Nguyễn Khắc	Nghiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0561	Trần Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0670	Hà Trọng	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0671	Tô Hoàng Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0569	Trần Quang	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0672	Vũ Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0679	Nguyễn Cao	Thăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0580	Hoàng Quốc	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000808	Nguyễn Nhất	Thống		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0685	Đặng Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520H0691	Nguyễn Khải	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6414

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 52 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520H0590	Lê Minh	Trí		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0419	Trần Nguyễn Phương	Trinh		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6415

Trang: 1/1

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 57 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0003	Phạm Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0521	Võ Đình	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0021	Nguyễn Hồ Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0527	Nguyễn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0217	Huỳnh Công	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0355	Lâm Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0356	Trương Anh	Hi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0367	Ngô Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0077	Nguyễn Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0544	Dương Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0374	Lê Đình	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0546	Trương Quang	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0385	Lê Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0280	Dương Mỹ	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0573	Lâm Văn	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0488	Lê Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0490	Mai Bảo	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0577	Võ Phạm Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0505	Lý Minh	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520H0194	Trần Quốc	VĨ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6427

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 57 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0003	Nguyễn Thế An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0214	Ngô Nguyễn Minh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0605	Huỳnh Nhật Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0615	Trương Quyền Diệu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0626	Lê Huỳnh Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0232	Dương Nguyễn Quỳnh Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0249	Võ Hoàng Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0656	Lê Văn Lực			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0357	Phạm Thị Quỳnh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0255	Bùi Ngọc Quỳnh Mi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0556	Nguyễn Trần Anh Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0562	Nguyễn Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0563	Cao Đức Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0565	Phạm Tăng Thanh Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0567	Trần Duy Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0668	Trần Minh Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0391	Nguyễn Xuân Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0147	Lê Thị Hoàng Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0693	Lý Nguyễn Quốc Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0309	Phạm Thị Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6427

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 57 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0312	Lê Ngô Anh Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6428

Trang: 1/1

Phòng thi: A703

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 59 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0210	Trần Thị Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0224	Nguyễn Khánh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0335	Phạm Trí	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0336	Phan Phúc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0338	Nguyễn Thị Thanh	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0340	Nguyễn Thị Trọng	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0040	Phan Thị Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0236	Nguyễn Thị Tú	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0350	Nguyễn Ngọc Bảo	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0353	Nguyễn Thị Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0098	Nguyễn Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0253	Lê Hoàng Cao	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0088	Trần Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0374	Nguyễn Đắc Uyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0115	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0120	Vũ Lê Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0387	Nguyễn Trọng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0286	Phạm Nguyễn Bảo	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0329	Bùi Quang Hoàng	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0199	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6429

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 59 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0322	Mai Tú Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0449	Bùi Nguyễn Trọng Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0451	Nguyễn Chí Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0334	Nguyễn Ngọc Duy Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0643	Hoàng Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0380	Hồ Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0662	Đoàn Xuân Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0269	Lê Nguyễn Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0392	Trần Nguyễn Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0404	Nguyễn Kiều Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0405	Tôn Nữ Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0582	Nguyễn Duy Nguyên Thủy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0411	Hoàng Thị Bích Trà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0413	Hồ Lê Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0422	Văn Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0438	Đỗ Thanh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0423	Nguyễn Thanh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0424	Hồ Nhã Thanh Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0425	Lưu Kim Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0426	Phạm Bạch Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6429

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 59 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000545	Đinh Thị Lan	Viên		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0432	Thái Mỹ	Ý		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6430

Trang: 1/1

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 60 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	518H0126	Nguyễn Hùng Gia	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0001	Nguyễn Huỳnh Phú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0511	Phan Ngọc Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0341	Nguyễn Thái	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	519H0285	Hồ Nhật	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	519H0286	Huỳnh Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0625	Sầm Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0633	Nguyễn Đỗ Gia	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	418H0114	Nguyễn Đình	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0642	Bùi Nguyễn Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0539	Nguyễn Đoàn Minh	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0354	Trần Phong	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0372	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0122	Nguyễn Thị Thuận	Phối		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0417	Nguyễn Hoàng Anh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0423	Mai Lê Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0414	Trần Ngọc Ngân	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0500	Trần Lê Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6431

Trang: 1/1

Phòng thi: A707

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 60 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0212	Đoàn Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0325	Nguyễn Vũ Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0030	Hoàng Thị Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0624	Nguyễn Trần Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0545	Nguyễn Đình	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0650	Lâm Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0363	Nguyễn Phạm Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0095	Nguyễn Thị Diễm	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0271	Trần Nguyễn Mai	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1483	Bùi Lê	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0120	Dương Nguyễn Trọng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0570	Trịnh Nguyễn Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0673	Trần Hải	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41600087	Châu Hải	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0683	Phạm Vũ Hoàng	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0686	Nguyễn Hoàng Uyên	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0687	Nguyễn Song	Thuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0689	Lê	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0597	Lê Thanh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0313	Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6548

Trang: 1/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0318	Lê Nguyễn Nguyệt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0322	Trương Vũ Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E18H0382	Trần Minh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0330	Nguyễn Nam	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0334	Dương Hoàng	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0336	Trần Mai Ngọc	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1606019	Lê Công	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E17H0100	Trần Thị Ngọc	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E17H0103	Trần Xuân	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0239	Phạm Sông	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0045	Đặng Thị Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0248	Huỳnh Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0072	Nguyễn Thị Xuân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0118	Nguyễn Hà Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0123	Võ Phi	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E17H0178	Nguyễn Khắc	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0134	Võ Trần	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0159	Thành Thanh	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E17H0197	Huỳnh Phạm Vân	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0182	Phạm Nguyên Thy	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6548

Trang: 2/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E18H0350	Trần Thị Cẩm Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0196	Nguyễn Ngọc Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0197	Nguyễn Hoàng Phương Yên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6549

Trang: 1/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0337	Nguyễn Ngọc Giàu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0339	Trần Thanh Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0341	Nguyễn Thị Ngọc Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0343	Lê Ngân Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0344	Nguyễn Thị Mỹ Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0347	Phùng Lữ Thế Hoài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0350	Trương Thị Phương Hường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0351	Huỳnh Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0368	Phạm Thị Hà My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0371	Trần Hải Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0379	Tống Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0392	Phạm Thị An Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0394	Ngô Thị Đan Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0400	Dương Hoàng Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0402	Lương Trần Thanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0404	Lê Thị Phương Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0413	Vũ Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0415	Cao Phạm Mai Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0416	Trần Thị Trúc Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0421	Võ Thị Quỳnh Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6549

Trang: 2/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0424	Ngô Vĩ	Triệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0432	Lê Nguyễn Hà	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0434	Lê Anh	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6550

Trang: 1/1

Phòng thi: B205

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0203	Nguyễn Huệ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0204	Nguyễn Lâm Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0206	Phạm Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0016	Đỗ Tân	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0020	Trần Anh	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0236	Phan Hoàng Mỹ	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0245	Trần Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0246	Đặng Thị Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0250	Nguyễn Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0071	Hứa Nguyễn Bảo	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0258	Huỳnh Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000143	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0270	Nguyễn Ngọc Nguyên	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0271	Phạm Nguyễn Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1900486	Keomany	Phonesav		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0133	Đỗ Hồ Duy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0164	Nguyễn Ngọc Minh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0169	Lê Đỗ Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0173	Nguyễn Thanh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0186	Nguyễn Hồ Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6551

Trang: 1/1

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0317	Đỗ Ngọc Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0335	Nguyễn Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0346	Hồ Thị Xuân	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0349	Ngô Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0352	Lê Nguyễn Thu	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0354	Trần Trọng	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0364	Trần Văn	Luận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0373	Nguyễn Ngọc Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0374	Nguyễn Ông Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0377	Nguyễn Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0384	Võ Đặng Khánh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0389	Nguyễn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0390	Vương Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0403	Viên Trang	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0408	Nguyễn Trúc	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0410	Nguyễn Trung Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0418	Lê Nguyễn Thu	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0427	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0430	Huỳnh Ngọc Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0431	Nguyễn Đức Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6552

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0315	Hồ Xuân An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0316	Lâm Thảo Phương	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0327	Huỳnh Tân Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0222	Nguyễn Thùy Bạch	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0328	Hồ Sĩ Thái Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0223	Trần Thị Hương Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0034	Huỳnh Hồng Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0224	Nguyễn Hoàng Bảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0037	Trần Đức Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0041	Bùi Thanh Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000389	Đỗ Nguyễn Phương Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000396	Đặng Thị Cẩm Mại			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0089	Trần Lê Phương Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0280	Đoàn Trần Vinh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0131	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0135	Bạch Ngọc Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0144	Trần Dương Trí Thiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0289	Hoàng Minh Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0155	Nguyễn Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0299	Điều Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6552

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0171	Đỗ Chí Trung			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0313	Lê Thị Yến			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6553

Trang: 1/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0329	Nguyễn Bùi Trường	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0333	Mai Kỳ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0340	Nguyễn Thị Kim	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0345	Trương Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0353	Võ Lê Trường	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0357	Phan Vũ Hiểu	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0359	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0365	Nguyễn Phương	Lượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0375	Nguyễn Thị Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0376	Nguyễn Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0378	Tô Thị Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0381	Trần Thị Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0391	Đỗ Lê Vân	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0398	Nguyễn Cát	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0399	Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0409	Hà Lê	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0412	Trần Ngọc Song	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0417	Nguyễn Đắc	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0419	Cao Ngọc Hồng	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0428	Đoàn Nguyên	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6553

Trang: 2/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0429	Lê Ngọc Lan	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0433	Trịnh Hoàng Thanh	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0435	Dương Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6554

Trang: 1/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0319	Lê Thụy Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0010	Tô Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0011	Trương Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0212	Thái Minh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0015	Đinh Huỳnh Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0017	Lưu Ngọc Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0238	Nguyễn Kim	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0256	Biện Ngọc Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0260	Châu Bửu	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0090	Nguyễn Trung	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0095	Trần Thị Ánh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0096	Võ Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0099	Huỳnh Phúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0268	Lê Thị Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0105	Trương Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0274	Hoàng Ngọc Diễm	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0156	Phạm Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0157	Phan Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0297	Phạm Tiến	Tới		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0176	Phạm Thành	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6554

Trang: 2/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0184	Ngô Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0310	Nguyễn Lê	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0311	Trương Nguyễn Nhã	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6555

Trang: 1/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0320	Nguyễn Trần Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0323	Lý	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0324	Nguyễn Thị Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0326	Lâm Ngọc	Đình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0331	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0342	Trần Nguyễn Bích	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0355	Đặng Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0358	Tiêu Hoàng	Làm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0362	Lâm Gia	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0367	Nguyễn Thanh Trúc	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0369	Ngô Thành	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0380	Bùi Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0383	Nguyễn Thị Thúy	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0387	Phạm Thị Tuyết	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0393	Nguyễn Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0401	Lê Minh Nhật	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0405	Bùi Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0411	Trần Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0420	Lê Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0422	Hoàng Lê Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6555

Trang: 2/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Những vấn đề chung về luật dân sự (E01004 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0425	Lê Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0436	Trần Tống Trúc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0437	Lê Thị Hải Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6556

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000245	Nguyễn Hoàng Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000345	Trần Quốc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000347	Ngô Vũ	Ca		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000348	Chung Bội	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1701140	Trương Minh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71480026	Dùng Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1701176	Nguyễn Thúy	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1701179	Lê Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	51900755	Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1800390	Vũ Đình Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000059	Phạm Xuân	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1900445	Yayongkay	Leeta		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1600402	Keomanivong	Metta		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1800214	Lê Thị Trà	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000104	Nguyễn Phùng Phúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000295	Lăng Hà Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000298	Phan Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1900446	Khaiiphom	Nouny		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000131	Trần Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900449	Phetsikhieo	Souliya		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6556

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000152	Trần Phước Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000314	Nguyễn Đặng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1701263	Nguyễn Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000177	Võ Trần Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B1800456	Hoàng Thị Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000195	Phạm Thị Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B2000208	Nguyễn Thị Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1800473	Nguyễn Thị Bích			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	B1900444	Nguyễn Phạm Lê			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6557

Trang: 1/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000358	Trần Thị Mỹ	Hắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000359	Lý	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000362	Trần Thị	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000367	Phạm Thế	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000368	Tống Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000369	Trần Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B2000371	Tôn Thất Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000373	Lê Thị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B2000376	Trịnh Tài	Năng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000379	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000380	Phạm Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000381	Trịnh Thanh Thiên	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000385	Nguyễn Đặng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B2000389	Lâm Thị Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000395	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000403	Nguyễn Lê Vĩnh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000405	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000409	Hầu Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000410	Phan Ngọc Hải	Thoại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000413	Lê Tô Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6557

Trang: 2/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000414	Nguyễn Lê Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000417	Lê Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B2000419	Trần Ngọc	Tiễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000422	Đỗ Thị Hoài	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B2000424	Đoàn Thuỳ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000429	Trần Thị Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6560

Trang: 1/1

Phòng thi: B402

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000250	Thái Huỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000252	Nguyễn Lê Bảo Ánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000053	Nguyễn Trần Ngọc Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000273	Hồ Thị Cẩm Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000276	Nguyễn Thị Thục Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000106	Mai Thị Ánh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B2000292	Nguyễn Thị Minh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000111	Nguyễn Nữ Ái Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1800418	Phạm Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1701215	Phan Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000161	Huỳnh Thị Bé Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1701266	Trần Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000176	Trần Phạm Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B2000318	Nguyễn Thị Minh Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91502120	Trương Nguyễn Quỳnh Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1800300	Huỳnh Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000200	Trần Ngọc Đoan Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000227	Phạm Nhật Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000232	Nguyễn Ái Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1701319	Đặng Nguyễn Hoàng Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6558

Trang: 1/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000002	Lê Thị Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000340	Phạm Hải	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000246	Nguyễn Thị Diệu	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000343	Nguyễn Thị Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000349	Lâm Thị Thu	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B1900374	Tô Thị Mỹ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B2000256	Trương Thị Công	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000351	Lê Trần Thanh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B2000353	Nguyễn Võ Thanh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000263	Lý Gia	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000052	Nguyễn Hoàng Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000054	Nguyễn Thiện	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000270	Trần Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B2000274	Kha Thị	Muội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000084	Huỳnh Mỹ	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000093	Hồng Tuyết	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000288	Lê Minh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000129	Nguyễn Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000300	Nrim Sỏi	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000142	Huỳnh Thị Thảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6558

Trang: 2/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000156	Phan Thị Huyền	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000203	Nguyễn Thúy Mỹ	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B2000211	Nguyễn Phạm Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000213	Ngô Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B2000218	Trâm Thị Quỳnh	Tươi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000225	Lê Thị Kim	Vàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6559

Trang: 1/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000357	Đào Thị Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000363	Nguyễn Thị Thu Hoài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000366	Nguyễn Xuân Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000372	Nguyễn Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000374	Võ Thị Trúc Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000375	Lê Thị Tuyết My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B2000377	Lê Thị Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000378	Lê Thúy Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B2000383	Lại Nguyễn Thành Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000386	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000387	Trần Thị Ý Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000388	Võ Nguyệt Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000392	Hứa Kim Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B2000399	Nguyễn Thị Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000406	Nguyễn Thị Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000418	Nguyễn Văn Tiễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000421	Đào Nguyên Nhã Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000426	Ngô Thị Hồng Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000428	Hồ Trịnh Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000430	Võ Ngọc Tuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6559

Trang: 2/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000432	Hồ Đỗ Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000433	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B2000435	Võ Thị Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000436	Nguyễn Thanh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B2000439	Trần Triệu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000443	Chí Mỹ	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6561

Trang: 1/1

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Luật kinh doanh 1 (E01081 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000445	Louangphommaseng Chanphen			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000352	Trần Đức Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000354	Đặng Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000355	Vũ Bảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000361	Hà Thanh Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000384	Lâm Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B2000391	Lê Phương Ni			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000394	Võ Đan Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B2000446	Souksavat Sithhilath			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000447	Vilaysane Souphans			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000401	Nguyễn Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000407	Trần Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000408	Trần Mạnh Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B2000411	Trần Duy Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000415	Văn Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000425	Phạm Lưu Nha Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000434	Tạ Minh Thảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000336	Lê Thị Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000448	Xayavong Xaythong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000441	Huỳnh Minh Xuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6544

Trang: 1/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:37

Lần:1

Môn học: Luật hành chính (E01003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000007	Nguyễn Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000008	Trần Ngọc Quế	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701166	Lê Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000337	Phạm Nguyễn Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000339	Ngô Thị	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1600050	Hoàng Việt	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000030	Lưu Huỳnh Bảo	Di		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000034	Đinh Tiến	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000347	Văn Quý Hoa	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000348	Võ Thị Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1600069	Hồ Ngọc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000349	Nguyễn Khắc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000037	Trần Lý Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000354	Lê Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000044	Mai Thúy	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000049	Tạ Nguyễn Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000053	Vương Huỳnh Ngọc	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1500124	Lê Hoàng Nhật	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1701241	Nguyễn Lê Phước	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701243	Phạm Xuân	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6544

Trang: 2/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:37

Lần:1

Môn học: Luật hành chính (E01003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000076	Mai Văn Khải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000276	Lê Hồng Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000082	Vũ Bảo Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1600139	Nguyễn Hoàng Khương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1701295	Nguyễn Thị Diệu Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000105	Nguyễn Lê Ban Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E2000144	Hồ Long Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E1500227	Phạm Thị Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E2000171	Lê Thị Vân Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E2000172	Nguyễn Thị Thục Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	E1701629	Trần Lê Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	E1701422	Trần Thị Vân Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	E1600280	Mai Thị Mỹ Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	E2000199	Nguyễn Hoài Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	E2000203	Võ Ngọc Ái Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	E1600315	Nguyễn Ngọc Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	E2000315	Vũ Thúy Vi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6545

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:37

Lần:1

Môn học: Luật hành chính (E01003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000356	Trương Hoàng	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000357	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000359	Lê Thị Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000361	Đinh Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000363	Trần Thị Phượng	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000368	Cao Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000369	Nguyễn Công	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000371	Lương Văn	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000377	Lư Minh	Hu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000378	Trương Thị	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000381	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000382	Nguyễn Văn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000393	Lê Thành	Luật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000399	Đinh Thị	Na		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000402	Ngô Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000403	Phan Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000405	Nguyễn Thị	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000409	Võ Nguyễn Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000419	Huỳnh Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000420	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6545

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:37

Lần:1

Môn học: Luật hành chính (E01003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000424	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000425	Đoàn Phương	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000429	Phạm Hiền Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000435	Hồ Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E2000438	Từ Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000441	Nguyễn Thành	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E2000443	Nguyễn Lưu Bảo	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E2000447	Nguyễn Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E2000455	Nguyễn Thị Hiền	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E2000463	Huỳnh Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	E2000464	Lê Hoàng Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	E2000465	Lương Thị Minh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	E2000466	Nguyễn Thị Kiều	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	E2000467	Đặng Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	E2000470	Phạm Nhật	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	E2000478	Lê Nhựt Quỳnh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	E2000483	Phạm Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6546

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:36

Lần:1

Môn học: Luật hành chính (E01003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000333	Nguyễn Ngọc Bảo	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000017	Đỗ Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000335	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000336	Nguyễn Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000338	Võ Đặng Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000342	Trần Minh	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000343	Hà Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000344	Lê Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000351	Phan Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000352	Nguyễn Đăng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000358	Đặng Thị Bích	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000372	Nguyễn Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000373	Nguyễn Thị Phương	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000374	Đỗ Hữu	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000375	Nguyễn Mai	Hoàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000376	Nguyễn Mậu	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000380	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000073	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1800585	Đinh Trần An	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000282	Nguyễn Lê Khương	Mân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6546

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:36

Lần:1

Môn học: Luật hành chính (E01003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000117	Nguyễn Hoàng Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000130	Phạm Nguyễn Gia	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000291	Trần Thị Mộng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1800302	Trần Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1500044	Nguyễn Thị Ái	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1600254	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01301273	Lê Thị	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E2000190	Ngô Thị Trung	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E2000191	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E2000198	Hồ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	E2000298	Phạm Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	E2000217	Trần Huỳnh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	E1701497	Nguyễn Thị Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	E2000223	Nguyễn Thị Tú	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	E1801671	Trần Thị Ý	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	E2000253	Nguyễn Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6547

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:38

Lần:1

Môn học: Luật hành chính (E01003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000383	Nguyễn Minh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000388	Nguyễn Thị Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000391	Phạm Ngọc Nhã Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000394	Võ Trung Lương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000398	Phạm Nguyễn Đăng Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000406	Nguyễn Thị Hồng Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000407	Trần Thị Khánh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000410	Nguyễn Quốc Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000411	Chu Thị Tuyết Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000413	Hồ Hoài Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000414	Lý Ái Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000415	Nguyễn Quỳnh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000416	Nguyễn Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000417	Vương Tử Ý Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000418	Đỗ Nguyễn Thị Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000421	Phan Thị Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000426	Đỗ Tiến Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000427	Lê Hoàng Nhật Phi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000428	Đỗ Thị Hồng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000430	Hoàng Đức Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---	------------------	--	------------------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6547

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:38

Lần:1

Môn học: Luật hành chính (E01003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000434	Nguyễn Tất	Quyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000436	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000437	Phạm Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000439	Trần Kim	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E2000442	Lê Kiều Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000445	Đặng Phú	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E2000446	Hứa Võ Huy	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E2000448	Nguyễn Văn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E2000450	Phùng Phước	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E2000452	Huỳnh Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	E2000457	Lê Trần Việt	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	E2000458	Nguyễn Lê Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	E2000460	Trần Trung	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	E2000462	Nguyễn Thị Như	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	E2000468	Nguyễn Thị Kim	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	E2000476	Võ Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	E2000477	Nguyễn Thế	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	E2000480	Nguyễn Ngọc Ánh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6402

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 37 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000387	Dương Chí	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	11800498	Bùi Thanh	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000711	Nguyễn Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000594	Lê Thị Hương	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000721	Trần Thị Kim	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	12000033	Nguyễn Bá	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900962	Tô Thị Kim	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000736	Đỗ Thị Tú	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	12000286	Cao Nguyễn Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000391	Nguyễn Phan Duy	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	11900314	Võ Nguyễn Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000596	Phạm Lê Trúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000739	Trần	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000599	Dương Đinh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71901082	Bùi Phạm Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01800742	Nguyễn Lộ Phương	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000206	Đỗ Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71901132	Phạm Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	11800137	Vệ Cảnh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01901070	Tạ Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6402

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 37 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	11900166	Bùi Trần Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000405	Nguyễn Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000601	Thi Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	11900088	Dương Vũ Thanh	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	11900293	Nguyễn Thị Thu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000741	Nguyễn Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6397

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 35 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000632	Nguyễn Lê Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000635	Nguyễn Duy	Ben		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000827	Biên Ngọc	Cang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000544	Phạm Hoàng	Dân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000830	Nguyễn Thị Anh	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000547	Lưu Minh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000642	Nguyễn Vinh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000646	Nguyễn Trọng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000549	Nguyễn Ngọc Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000554	Trần Ngọc Nguyên	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000442	Lê Tự	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000766	Phan Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000841	Nguyễn Trọng	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000680	Trần Hợp	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000843	Trương Xuân	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000846	Nguyễn Cao	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000776	Trương Thành	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000695	Phạm Nguyễn Khôi	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000851	Nguyễn Gia	Nguyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000697	Đỗ Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6397

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 35 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000380	Võ Trương	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000789	Nguyễn Thúc	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000792	Trần Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000794	Phạm Tiến	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000858	Lê Gia	Thạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000863	Nguyễn Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000474	Nguyễn Khương Việt	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000817	Lâm Minh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	52000819	Trần Bảo	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	52000821	Đặng Văn	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	52000822	Lê Văn	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6398

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 35 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000014	Thái Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001131	Đồng Anh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000748	Lê Kiều	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000753	Lê Phú	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81800104	Nguyễn Hoàng	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000046	Thái Tiến	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000759	Trần Gia	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000047	Phạm Thái	Học		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000284	Nguyễn Thị Diễm	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000765	Nguyễn Võ Công	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000058	Phạm Hoàng	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000068	Lê Dương	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000340	Nguyễn Thanh	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	11800311	Phan Bảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000574	Trần Nguyệt	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000118	Trần Đăng	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	11800129	Huỳnh Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000857	Nguyễn Thái	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000129	Nguyễn Thị Diễm	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000714	Trương Thông Thế	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6398

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 35 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000264	Lê Võ Quyết	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000717	Nguyễn Bá	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000718	Nguyễn Trường	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C2000260	Nguyễn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000261	Nguyễn Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000150	Lê Thị Xuân	Tiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000153	Lê Phạm Anh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000154	Nguyễn Anh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	52000288	Võ Hữu	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	52000730	Đồng Phong	Vin		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	81900221	Bùi Đình	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6399

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 36 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000622	Đặng Phùng Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000008	Trần Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000015	Ma Nhật	Biển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000189	Nguyễn Minh	Chí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000025	Nghiêm Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000550	Phạm Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000210	Trần Phước	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000445	Hoàng Thị Mai	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000763	Thông Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000768	Huỳnh Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000346	Võ Minh	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000771	Bùi Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000350	Lê Tuấn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000772	Trịnh Duy	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000679	Trần Đỗ Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000569	Trần Nguyên	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000573	Võong Quang	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000498	Lê Ngọc Nguyên	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000578	Lâm Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32001155	Nguyễn Thị Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6399

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 36 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000376	Phạm Phong	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000383	Vũ Đình	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000386	Đào Hữu Phi	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C2000275	Nguyễn Thị Ngọc	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000398	Võ Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000271	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000149	Phan Thị Diễm	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000610	Trần Thị Anh	TuyỀn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	52000429	Nguyễn Thị Ngọc	TuyẾt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	52000170	Huỳnh Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	52000172	Đoàn Thị Kim	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6400

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 36 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000743	Võ Văn Chiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000747	Vòng Hữu Dân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000833	Đặng Ngọc Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000834	Nguyễn Thị Mỹ Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000595	Lê Thanh Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000735	Nguyễn Tân Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000835	Nguyễn Thị Thanh Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000767	Nguyễn Châu Trọng Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000770	Nguyễn Vĩnh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000339	Trần Tùng Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000779	Đinh Quang Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000200	Đỗ Anh Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000780	Hoàng Quốc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000782	Nguyễn Quốc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000395	Hồ Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000788	Võ Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000795	Huỳnh Hồng Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000797	Trần Tiển Anh Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000800	Đinh Văn Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000801	Huỳnh Quốc Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6400

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 36 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000805	Trần Văn Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000807	Võ Phước Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	51900564	Nguyễn Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000720	Nguyễn Thanh Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01901076	Nguyễn Minh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000813	Trần Lê Minh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000814	Phan Quốc Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000724	Phạm Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	52000815	Trần Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02000947	Phạm Thị Xuân Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	52000825	Nguyễn Thùy Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6401

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 37 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000235	Huỳnh Nhật	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C1900092	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C1900098	Nguyễn Tiến	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001148	Nguyễn An	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	12000325	Bùi Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A1900110	Nguyễn Anh	Hoàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	51800880	Phạm Quang	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000775	Dương Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	51900124	Nguyễn Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000247	Đỗ Thành	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41800868	Nguyễn Võ Vĩnh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	91800488	Nguyễn Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41800396	Trịnh Tân	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61603130	Nguyễn Thụy Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900597	Non	Sovannari		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41603141	Nguyễn Hữu	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	11403116	Dương Thị	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000256	Nguyễn Thị Khoa	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900361	Lê Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	11501056	Lê Tường	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6401

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 37 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000239	Phùng Thị Thu	Yến		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	⓪ ⓫ ⓬ ⓷ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6390

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000182	Trần Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000193	Nguyễn Phúc Bảo		Danh	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000871	Lại Minh Khả		Doanh	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000197	Huỳnh Huỳnh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000321	Lê Thị Thùy Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000325	Nguyễn Nhã Thảo		Duy	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000734	Trần Thị Xuân		Hương	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000217	Tô Ngọc Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000344	Lê Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000893	Mai Lê Lựu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000238	Ngô Trọng Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000777	Phạm Thị Yến Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000091	Huỳnh Phúc Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000143	Nguyễn Phan Thảo		Nguyên	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000791	Đàm Thị Phương Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000253	Phạm Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900774	Huỳnh Phương Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900595	Nuth Sokrite			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000128	Tô Văn Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000132	Lê Võ Nhật Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6390

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000832	Đào Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000152	Nguyễn Trần Minh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000848	Lê Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6388

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000533	Nguyễn Hữu An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000541	Võ Thanh Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000542	Chung Tân Cang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000829	Nguyễn Minh Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000832	Lâm Gia Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000555	Nguyễn Văn Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000755	Ngô Trác Hi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000756	Nguyễn Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000837	Nguyễn Tiến Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000838	Trịnh Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000774	Lê Minh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000842	Trương Minh Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000848	Nguyễn Thành Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	51800220	Nguyễn Hoàng Quang Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000853	Trần Trương Gia Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000463	Nguyễn Minh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000803	Phạm Cao Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000715	Trần Việt Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000283	Trần Thị Cẩm Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000810	Lê Sỹ Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6388

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000291	Huỳnh Anh	Tuấn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	52000818	Nguyễn Anh	Tuấn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6389

Trang: 1/1

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:19

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000623	Nguyễn Lê	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000865	Võ Thị Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000633	Nguyễn Thái	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000634	Trần Hoài	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000740	Lê Minh	Bí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000643	Nguyễn Tôn	Điền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000644	Lê Nguyễn Hữu	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000647	Võ Hoàng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000875	Đỗ Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000684	Võ Tấn	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000897	Dương Thị Hồng	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000579	Dương Đức	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000504	Đặng Công	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000379	Lê Trần Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000510	Đào Nhựt	Qui		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000511	Nguyễn Thanh	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000515	Phan Nguyễn Huy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000430	Ngô Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000611	Trịnh Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6392

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 32 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000240	Đinh Thị Trung	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000012	Lê Nguyễn Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000826	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000020	Phan Thị Hồng	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001128	Đỗ Minh	Chính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000283	Mai Thị Thu	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000639	Đỗ Huỳnh Khánh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000273	Nguyễn Thị Hiếu	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000078	Nguyễn Tân	Lực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000781	Lê Hà Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000783	Nguyễn Quang Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000784	Huỳnh Lê Nhất	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000206	Đặng Thị	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	51900667	Nguyễn Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000663	Nguyễn Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000393	Nguyễn Thị Hoài	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000215	Nguyễn Thị	Sen		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000799	Hồ Đăng	Thăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C2000219	Nguyễn Tân	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000804	Lê Đào Tấn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6392

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 32 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000806	Lê Nguyễn Tân	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000862	Nguyễn Lê Trí	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000212	Ngô Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000809	Nguyễn Đức Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000300	Nguyễn Thị	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000866	Đặng Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000867	Nguyễn Thành	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000162	Lương Hỷ	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	42001113	Nguyễn Viết	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	C2000307	Đặng Thị Hồng	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6393

Trang: 1/1

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:13

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 33 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000183	Phan Kim Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001123	Nguyễn Ngô Huy Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	51603034	Lưu Nguyên Chương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000758	Trần Đình Thanh Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	91702099	Mã Tuấn Khải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	11800341	Vương Thúy Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001166	Cao Tấn Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000102	Vương Minh Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000190	Phạm Minh Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000191	Huỳnh Tôn Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	11504024	Cao Thị Bích Thủy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000229	Đặng Thị Bích Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000823	Trần Quốc Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6394

Trang: 1/1

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:17

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 33 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000694	Trần Đông	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	12000321	Trần Nam	Đô		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	12000303	Ngô Tuyết	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81604024	Nguyễn Văn	Dụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000734	Võ Hồng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900636	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000508	Hồ Hoài	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900671	Lê Thị Thuý	Liễu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000737	Nguyễn Bạch	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900148	Lê Thanh	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900154	Nghiêm Văn	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000800	Trần Hoàng	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	11800392	Hồ Ngọc Thư	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000823	Nguyễn Hồ Xuân	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000230	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	11800460	Nguyễn Hoàng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	12000196	Trần Như	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6391

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 32 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000297	Trần Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000626	Phạm Quốc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000989	Trần Duy Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000738	Hồ Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000314	Nguyễn Thành	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000651	Huỳnh Kiên	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000551	Lê Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000877	Huỳnh Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000216	Lâm Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000674	Phan Văn	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000678	Phạm Đăng	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000250	Đặng Phú	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000688	Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000696	Tạ Hữu	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000583	Nguyễn Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000587	Đỗ Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001077	Nguyễn Hà	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000799	Trần Nguyễn Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000710	Mai Đắc Thiên	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000719	Huỳnh Trí	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6391

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 32 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000259	Phan Quốc Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000414	Trần Minh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000424	Trương Thị Bích Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000726	Nguyễn Văn Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000728	Vũ Mạnh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C2000263	Hoàng Thị Thảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000731	Nguyễn Quốc Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000733	Trần Tống Gia Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	52000432	Lê Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6395

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:33

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 34 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000620	Lý Tuân	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000736	Bùi Thị Loan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000741	Võ Thị Quế	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000749	Nguyễn Duy	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000648	Đỗ Quốc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000038	Lê Khắc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000039	Nguyễn Mai	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000042	Trần Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000658	Đặng Anh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000444	Nguyễn Công	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000757	Nguyễn Bảo	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000760	Lý Phi	Học		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000489	Bùi Mạnh	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000762	Nguyễn Đăng	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000449	Trần Triều	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000351	Võ Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000845	Nguyễn Thị Thiên	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000568	Nguyễn Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81701129	Nguyễn Hoàng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000374	Lâm Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6395

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:33

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 34 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000375	Thái Trần Anh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000580	Trương Thiều Khoa	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000700	Trần Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000854	Võ Huy	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000390	Nguyễn Ngọc	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000855	Nguyễn Vinh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000708	Huỳnh Triệu Phú	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000591	Dương Thanh	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	52000709	Lê Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	52000861	Nguyễn Hoàng	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	52000409	Phạm Huỳnh Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	52000415	Trương Đức	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	52000727	Trần Hiếu	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6396

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:33

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 34 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000010	Vũ Lương Ngọc	Ban		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000011	Lý Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000185	Cao Nguyên	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000018	Nguyễn Xuân	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71704495	Keophilom	Chintana		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000828	Trần Bồi	Dân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000026	Nguyễn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000196	Nguyễn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000870	Trịnh Khả	Di		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	91800467	Dương Vương	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000035	Huỳnh Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000328	Châu Chí	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000724	Đỗ Anh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000048	Ngô Diễm	Huê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000049	Phạm Trí	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000057	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000348	Tiêu Việt	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000910	Vinh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000777	Huỳnh Đình	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000786	Nguyễn Thị Thu	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6396

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:33

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 34 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000527	Lâm Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900495	Đặng Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000790	Nguyễn Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000856	Đàm Duy	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000809	Võ Thanh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000802	Mai Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000148	Vũ Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000811	Nguyễn Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02000246	Nguyễn Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	52000816	Phan Thành	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	52000820	Thái Lê	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	52000166	Phạm Văn Quốc	Vĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	52000869	Nguyễn Thị Thu	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6532

Trang: 1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 60 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0206	Phạm Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0275	Nguyễn Vũ	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0016	Đỗ Tân	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0024	Hồ Hữu	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0527	Nguyễn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0036	Huỳnh Văn	Đệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0351	Nguyễn Trường	Duẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0041	Đặng Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B20H0038	Tôn Nữ Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B20H0041	Đinh Thị Việt	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0051	Nguyễn Hồ Nhật	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0535	Nguyễn Đồng	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0463	Nguyễn Hoàng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0066	Nguyễn Hoàng Phúc	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0542	Trần Hữu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	620H0271	Tăng Quốc	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520H0555	Đỗ Hoàng Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0098	Nguyễn Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0390	Phạm Đăng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000143	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6532

Trang: 2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 60 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520H0120	Vũ Lê Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	520H0283	Nguyễn Đặng Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	519V0054	Lê Hữu	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	520H0497	Nguyễn Thanh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0423	Nguyễn Thanh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	020H0426	Phạm Bạch	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E20H0434	Lê Anh	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6533

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 60 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B20H0023	Huỳnh Phạm Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B20H0477	Đặng Lê Thái	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B20H0479	Đinh Quốc Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B20H0482	Kim Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H0051	Nguyễn Ngọc Như	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B20H0493	Mạc Phương	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B20H0313	Nguyễn Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B20H0500	Phạm Thanh	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B20H0507	Lê Thị Nguyệt	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B20H0518	Đỗ Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B20H0523	Mai Ngọc	Lân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B20H0105	Mai Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B20H0529	Phạm Thị Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B20H0113	Nguyễn Thị Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B20H0541	Lại Thành	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B20H0554	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B20H0174	Hồ Thúy	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B20H0589	Võ Tân	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B20H0590	Ao Thị Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B20H0397	Đàm Nguyễn Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6533

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 60 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B20H0596	Nguyễn Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B20H0607	Lê Ngọc Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B20H0230	Lê Thị Ngọc Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B20H0627	Phạm Kiều Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B20H0628	Trần Thị Ngọc Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B20H0434	Tăng Minh Duy Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B20H0249	Lê Thị Hồng Tươi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B20H0444	Huỳnh Yến Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6534

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 60 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0617	Lữ Ngọc Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0334	Nguyễn Ngọc Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0626	Lê Huỳnh Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0340	Nguyễn Thị Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	219H0130	Phạm Nguyễn Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H1384	Nguyễn Thị Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1462	Dương Thị Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H0915	Ngô Uyển Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0655	Lang Nhật Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H0746	Lê Thị Phương Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0659	Trịnh Cẩm Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0557	Nguyễn Khắc Nghiêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B20H0563	Lại Trần Thanh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0374	Nguyễn Đắc Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B20H0565	Nguyễn Ngọc Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0566	Phan Vĩ Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0387	Nguyễn Trọng Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0567	Trần Duy Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0669	Lương Ngọc Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B20H0580	Lê Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6534

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 60 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B20H0591	Hoàng Thông	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	520H0679	Nguyễn Cao	Thăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	520H0580	Hoàng Quốc	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020H0404	Nguyễn Kiều Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0405	Tôn Nữ Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B20H0617	Huỳnh Lương	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	520H0690	Nguyễn Đức	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	720H0445	Huỳnh Minh	Tử		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	520H0594	Nguyễn Đặng Như	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	B20H0649	Nguyễn Thị Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6535

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 62 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520H0601	Nguyễn Quốc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0269	Nguyễn Thị Thúy An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0511	Phan Ngọc Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0011	Trương Minh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520H0513	Mai Thế Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0515	Nguyễn Tú Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0022	Trương Võ Hải Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0218	Nguyễn Bá Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520H0219	Nguyễn Nhất Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0630	Lương Thị Lê Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520H0534	Võ Vương Hóa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520H0634	Ngô Thanh Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0063	Trần Ngọc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0462	Bùi Nhật Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520H0649	Trần Quang Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520H0549	Hoàng Huỳnh Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0096	Võ Thị Bích Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0560	Lê Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520H0564	Nguyễn Tiến Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520H0286	Phạm Nguyên Bảo Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6535

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 62 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0392	Trần Nguyễn Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	520H0587	Nguyễn Chánh	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0414	Trần Ngọc Ngân	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020H0422	Văn Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0424	Hồ Nhã Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0264	Trần Ngọc Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6536

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 62 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B20H0003	Nguyễn Hoàng Thu	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B20H0006	Liêu Nguyễn Hồng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0212	Thái Minh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B20H0021	Nguyễn Thị Hoàng	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B20H0302	Bùi Thị Ngân	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B20H0052	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B20H0487	Huỳnh Chung Phương	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B20H0062	Trần Chí	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B20H0490	Trần Quốc	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B20H0495	Trương Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B20H0497	Đinh Thể	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B20H0319	Trần Anh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B20H0506	Phạm Khánh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B20H0330	Nguyễn Quốc	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B20H0102	Kiều Lê Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0072	Nguyễn Thị Xuân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0364	Trần Văn	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B20H0157	Lâm Bích	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B20H0162	Huỳnh Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B20H0387	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6536

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 62 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B20H0203	Nguyễn Tô Phúc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B20H0207	Nguyễn Minh	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B20H0209	Đinh Hoàng Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B20H0236	Vương Kim	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B20H0253	Hoàng Ngọc Bảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6537

Trang: 1/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 62 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B20H0460	Hoàng Ngọc Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B20H0469	Vũ Ngọc	Chung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0336	Phan Phúc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0046	Nguyễn Tuyết	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H0075	Bùi Thị Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B20H0514	Chu Thị	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0350	Nguyễn Ngọc Bảo	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H0084	Bùi Văn	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0353	Nguyễn Thị Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B20H0525	Đặng Nhựt	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000760	Lai Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B20H0537	Phạm Hồng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B20H0543	Nguyễn Thanh	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H0577	Lý Tiểu	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B20H0566	Vũ Huỳnh Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H0966	Lưu Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H0380	Vũ Huỳnh Lâm	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B20H0572	Trần Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B20H0574	Phạm Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0271	Trần Nguyễn Mai	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6537

Trang: 2/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 62 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0118	Trần Tiến Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B20H0584	Nguyễn Quỳnh Thảo		Quyên		(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B20H0587	Trương Vĩnh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B20H0602	Nguyễn Lê Thanh Thơ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B20H0631	Lưu Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B20H0640	Trương Thị Thúy Vi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B20H0440	Nguyễn Đức Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/		1/			
2/		2/			

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6468

Trang: 1/1

Phòng thi: B210

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:20

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0220	Lê Đình Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0221	Nguyễn Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0046	Nguyễn Hữu Băng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0047	Võ Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0223	Nguyễn Quang Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0186	Vũ Tiến Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0190	Nguyễn Ngọc Huân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0072	Lê Ngô Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0073	Lê Vũ Anh Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0075	Huỳnh Võ Phú Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0077	Nguyễn Uy Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0078	Phạm Huy Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0193	Nguyễn Hoàng Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0173	Trần Tú Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0176	Nguyễn Ngọc Công Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0119	Đỗ Minh Tiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0199	Lê Long Song Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0180	Tiêu Trương Thái Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0182	Võ Văn Vẹn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0126	Nguyễn Minh Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6538

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000019	Nguyễn Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000020	Phan Thị Kim	Chăm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000021	Đào Linh	Đa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000023	Nguyễn Tân Cát	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000024	Văn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000028	Phan Đặng Thực	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000033	Tôn Thị Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000036	Nguyễn Tiến Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C1900047	Nguyễn Phúc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000046	Nguyễn Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000062	Hứa Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000097	Trịnh Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000106	Phạm Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000109	Trần Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D2000111	Hà Hoa	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D1600059	Nguyễn Hồng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000127	Hoàng Thanh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000137	Trần Ngọc Thảo	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D1800357	Vũ Đức	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000139	Nguyễn Thu	Quế		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6538

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900266	Nguyễn Quang	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000146	Trần Tuấn	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000147	Tống Hoàng Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	D2000160	Nguyễn Thạch Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000161	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000166	Trần Châu	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000168	Nguyễn Đức	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000172	Nguyễn Hoài	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	D2000173	Lê Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	D2000178	Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6539

Trang: 1/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000250	Bùi Duy	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000253	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000374	Nguyễn Thụy Thiên Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000379	Nguyễn Xuân	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000263	Trương Thị Yến	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000271	Nguyễn Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000394	Trần Đại Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000395	Trần Duy	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000457	Hwang	Jinseon		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000400	Mai Thị Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000289	Nguyễn Thanh Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000403	Nguyễn Thị Hải	Lý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000406	Trần Cao	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000409	Bùi Thị Minh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D2000411	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000302	Tất Khả	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000415	Trần Thị Cẩm	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000421	Trần Nguyễn Mai	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000427	Nguyễn Thạch	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000179	Võ Hoàng Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6539

Trang: 2/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000186	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000199	Trần Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000202	Ngô Minh Kim	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	D2000335	Đoàn Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000437	Phạm Minh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000439	Hà Mẫn	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000222	Lê Nguyễn Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000224	Trần Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	D2000225	Phạm Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	D2000229	Lê Yến	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6479

Trang: 1/2

Phòng thi: B402

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0227	Hà Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0229	Lê Huy	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0232	Đào Trung	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0237	Thái Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0241	Triệu Huỳnh Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0246	Nguyễn Ngọc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0250	Lại Văn	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0259	Nguyễn Trần Anh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0260	Đặng Vũ Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0263	Nguyễn Phan Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0299	Hồ Đức	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0265	Đinh Nguyễn Gia	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0266	Trần Tô Đức	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0268	Nguyễn Hồng	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0270	Lê Phước Kim	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0272	Nguyễn Hoàng	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0274	Trà Trí	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0278	Ngô Đức	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0282	Nguyễn Hoàng	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0288	Hoàng Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6479

Trang: 2/2

Phòng thi: B402

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0291	Bùi Trần Vũ			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6540

Trang: 1/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:33

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000010	Lê Như	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900923	Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61900381	Trần Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000032	Nguyễn Thị Yến	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000039	Lê Thị Cẩm	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D1600017	Nguyễn Ngọc Linh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61900068	Trần Bảo	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000055	Ngô Xuân	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41800503	Nguyễn Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D1600030	Đào Đăng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000075	Trần Đình	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000082	Trần Thị Tố	Lin		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41901113	Lê Quang Nhất	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000093	Mạc Nguyễn Xuân	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D2000098	Võ Thị Diễm	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000103	Mai Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000107	Phạm Thị Mộng	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000110	Đặng Hong	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000112	Huỳnh Đặng Thảo	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61900137	Nguyễn Đông	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6540

Trang: 2/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:33

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000119	Nguyễn Đoàn Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900717	Từ Hoàng	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900536	Đặng Thái	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	D2000155	Nguyễn Hà	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000188	Võ Thị	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000201	Huỳnh Thị Phương	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D1600138	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000209	Nguyễn Văn	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	D1600120	Trần Thị Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	51900279	Trần Hữu	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	D1503067	Lê Anh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	D2000226	Bùi Vũ Lê	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	D1800161	Nguyễn Phương Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6541

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000368	Đỗ Ngọc Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000369	Lữ Phụng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000370	Nguyễn Lê Trúc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000372	Nguyễn Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000381	Lê Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000382	Trần Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000259	Nguyễn Hữu	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000264	Mai Trúc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000269	Ngô Tuyết	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000388	Phạm Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000392	Châu Nguyễn Thục	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000393	Cao Vũ Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000397	Hồ Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000277	Nguyễn Thị Phương	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D2000398	Lưu Vĩ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000281	Lê Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000404	Đỗ Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000408	Lê Văn	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000453	Lê Vũ Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000310	Phạm Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6541

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000422	Cao Thanh	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000425	Trần Nguyễn Việt	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000426	Lưu Quốc	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	D2000430	Đinh Song	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000328	Phạm Thị Kiều	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000332	Nguyễn Thị Kiều	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000435	Nguyễn Thị Thảo	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000436	Hồ Ngọc Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	D2000438	Nguyễn Phan Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	D2000441	Nguyễn Anh	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	D2000442	Âu Dương Trần	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6542

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D1800004	Bùi Lê Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800646	Lê Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000030	Đặng Đăng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000034	Bùi Đắc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000042	Nguyễn Tường Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000045	Hồ Trần Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000048	Nguyễn Thụy Diễm	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000050	Trần Sĩ	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000052	Trâm Gia	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000059	Lê Võ Sông	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000072	Trần Duy	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000076	Dương Minh	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000078	Ngô Hồng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000088	Đặng Mậu Phước	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	51900139	Đoàn Phú Mai	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000120	Nguyễn Hồ Hoàng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000129	Trần Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000130	Yu Khánh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000135	Nguyễn Đăng Gia	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000142	Lâm Trí	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6542

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000152	Đỗ Châu Thiện	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000153	Thái Tấn	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000162	Nguyễn Xuân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	D2000164	Trương Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000165	Nguyễn Minh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000167	Phạm Ngọc Bảo	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000182	Đoàn Thị Ngọc	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000185	Hoàng Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	D2000196	Phạm Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6480

Trang: 1/1

Phòng thi: B409

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:19

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0002	Mai Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0031	Nguyễn Ngọc Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0225	Lê Hoàng	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0228	Huỳnh Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0187	Huỳnh Lê Anh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0055	Lâm Mai Hồ Nhựt	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0154	Nguyễn Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0202	Trần Mai Gia	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0205	Doãn Tùng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0132	Phan Thanh	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0208	Nguyễn Hoàng Giang Đại	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0198	Trần Bảo	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0209	Bùi Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0210	Nguyễn Hoàng	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0216	Bùi Hoàng Ngọc	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0144	Dương Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0200	Trần Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0219	Tôn Nghiêm Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0201	Trần Thành	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6543

Trang: 1/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000376	Phạm Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000380	Phan Bửu	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000383	Nguyễn Hoàng Việt	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000262	Đinh Trần Tiến	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000387	Lâm Ngọc Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000389	Trần Thị Kiều	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000399	Trịnh Hoàng Tuấn	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000401	Lê Thị Thanh	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000405	Phan Hoàng Tuyết	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000407	Nguyễn Kiều	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000294	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000295	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000301	Nguyễn Thị Phương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000303	Võ Thiên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D2000416	Hoàng Sỹ	Oai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000420	Nguyễn Vũ Khánh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000313	Đào Lê Minh	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000246	Nguyễn Thị Thùy	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000424	Tống Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000321	Nguyễn Trung	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6543

Trang: 2/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân (D03076 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000428	Phạm Huỳnh Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000431	Châu Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000432	Ka	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	D2000433	Cao Phạm Hoài	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000434	Trần Huỳnh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000206	Hồ Thị Ngọc	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000443	Nguyễn Trần Mai	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000236	Nguyễn Hoàng Mai	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6481

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0302	Võ Khánh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0236	Phạm	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0243	Lê Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0304	Nguyễn Gia	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0306	Nguyễn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0307	Lê Hoàng	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0308	Nguyễn Hữu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0296	Nguyễn Nam	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0309	Triệu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0258	Nguyễn Ngọc	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0312	Nguyễn Trung	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0314	Trần Tân	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0317	Lưu Phước	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0271	Nguyễn Hoàng	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0319	Phạm Ngọc Trường	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0273	Phan Công	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0276	Huỳnh Chí	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0277	Kiều Võ Quang	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0285	Trần Lâm	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0287	Cao Hoài	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6481

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0321	Nguyễn Thái Sơn	Tùng		•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6445

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	419H0101	Hùynh Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0240	Trần Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0242	Đặng Ngọc Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0158	Lương Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0191	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0251	Lê Vỹ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0253	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0254	Nguyễn Phan Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0256	Võ Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0257	Nguyễn Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0264	Dương Minh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0170	Cao Đặng Tiến	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0095	Chẽm Lê An	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	419V0024	Trần Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0269	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0175	Lê Trần Quang	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0275	Trần Hạo	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0279	Mã Hồng	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0117	Nguyễn Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0289	Bùi Thanh	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6445

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0292	Trương Tuấn Vũ			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6418

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:35

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000276	Phạm Thị Bích	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000166	Nguyễn Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	A2000279	Nguyễn Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	A2000281	Trần Phương	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	A2000282	Nguyễn Văn	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A2000021	Trần Phạm Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A2000022	Nguyễn Hà Thảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000024	Phạm Thị Hồng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000029	Trương Nhật	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000190	Tạ Chí Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000192	Phan Thị Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000194	Trần Hoàng Gia	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A2000286	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000288	Hồ Ngọc Mỹ	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000196	Nguyễn Phi	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000290	Nguyễn Thị	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000291	Trần Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A2000292	Lê Minh	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A2000205	Nguyễn Thị Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000061	Nguyễn Thị Trúc	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6418

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:35

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A2000296	Trần Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000062	Võ Cẩm	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000297	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000211	Kiều Ngô Uyên	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000069	Nguyễn Gia Thiện	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A2000218	Nguyễn Ngọc Hà	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	A2000083	Huỳnh Hoài	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	A2000221	Nguyễn Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	A2000100	Khương Thị Yên	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	A2000112	Nguyễn Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	A2000247	Nguyễn Duy	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	A2000258	Trần Thị Mai	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	A2000259	Đỗ Thị Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	A2000140	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	A2000164	Nguyễn Hoàng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6420

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:34

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000002	Trần Thị Nhã	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000005	Lưu Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	A2000165	Nguyễn Huỳnh Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	A2000008	Trần Hoàng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	A2000012	Võ Hồng	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A2000013	Trần Minh	Cánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A2000015	Trần Chí	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000016	Nguyễn Thị Kim	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000174	Nguyễn Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000019	Lê Nguyễn Trí	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71704269	Nguyễn Phan Nhật	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000185	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A2000033	Phan Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000186	Trần Thụy Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000188	Nguyễn Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000041	Đinh Thị Ánh	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000047	Trần Thị Lê	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A2000058	Lương Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A2000060	Nguyễn Viết Thành	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71606359	Phomsy	Lothchana		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6420

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:34

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A2000064	Uông Uông Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000075	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000101	Nguyễn Lâm Thanh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000111	Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000114	Trương Thanh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A2000116	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	A2000119	Phan Thị Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	A2000126	Trương Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	A2000137	Bùi Thị Thanh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	A2000138	Đào Thị	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	A2000141	Nguyễn Thị Thanh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	A2000155	Nguyễn Thành	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	A2000156	Nguyễn Châu Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	A2000163	Trương Thị Anh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6365

Trang: 1/2

Phòng thi: B508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Viết nâng cao (001308 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0226	Nguyễn Trần Hoàng Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0228	Lê Tiến Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0086	Nguyễn Hải Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0233	Nguyễn Quế My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0093	Trần Nguyễn Diệu My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0235	Trương Nguyễn Ngọc Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0282	Hoàng Lê Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0115	Nguyễn Đăng Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020K0116	Nguyễn Song			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0122	Hồ Ngọc Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0285	Nguyễn Thành Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020K0139	Nguyễn Thị Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0141	Trang Cẩm Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0148	Lê Minh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0156	Bùi Đức Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020K0254	Lê Quang Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020K0258	Trần Ngọc Quỳnh Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020K0259	Lê Quỳnh Ngọc Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020K0180	Nguyễn Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020K0272	Phạm Đào Anh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6365

Trang: 2/2

Phòng thi: B508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Viết nâng cao (001308 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020K0266	Phan Nhật Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020K0267	Võ Chí Viễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020K0186	Võ Hoàng Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020K0188	Phan Thị Trúc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6366

Trang: 1/2

Phòng thi: B509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Viết nâng cao (001308 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0005	Đặng Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0006	Hùng Ngọc Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0008	Nguyễn Hữu Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0198	Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0199	Nguyễn Thị Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0017	Nguyễn Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0202	Doãn Xuân Hòa	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0021	Võ Thị Ngọc	Chân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020K0024	Trần Niên	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0203	Nguyễn Ngọc Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0029	Nguyễn Hoàng	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020K0037	Đặng Thái	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0042	Trần Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0278	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0052	Nguyễn Đoàn Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020K0055	Nguyễn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020K0280	Phan Huỳnh Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020K0281	Nguyễn Lê Vân	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020K0065	Khổng Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020K0220	Lê Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6366

Trang: 2/2

Phòng thi: B509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Viết nâng cao (001308 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020K0223	Ngô Phạm Hoàng	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020K0072	Lâm Tiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020K0074	Lại Huỳnh Ngọc	Lễ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020K0075	Huỳnh Hoa Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6419

Trang: 1/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:36

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000298	Trần Thị Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000300	Châu Quế My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	A2000302	Nguyễn Trần Hoàng Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	A2000303	Trương Thị Thanh Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	A2000304	Nguyễn Thị Ngọc Ngà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A2000307	Trần Bảo Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A2000309	Huỳnh Như Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000310	Nguyễn Thị Hương Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000312	Nguyễn Thị Minh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000314	Nguyễn Hiền Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900408	Nguyễn Khánh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000315	Nguyễn Phạm Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A2000317	Đinh Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000318	Huỳnh Thị Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000319	Nguyễn Huỳnh Yến Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000320	Trịnh Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000322	Nguyễn Phạm Thảo Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A2000323	Bùi Thị Ngọc Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A2000324	Nguyễn Văn Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000325	Đường Kim Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6419

Trang: 2/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:36

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A2000328	Nguyễn Phước Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000329	Nguyễn Thị Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000330	Bùi Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000335	Nguyễn Hoàng Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000336	Phạm Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A2000340	Nguyễn Nghiệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	A2000341	Phùng Trần Khả			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	A2000342	Trần Lương Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	A2000344	Đặng Thị Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	A2000345	Trần Thị Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	A2000346	Mai Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	A2000347	Hà Dương Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	A2000349	Nguyễn Thị Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	A2000350	Nguyễn Võ Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	A2000353	Nguyễn Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	A2000354	Võ Mai Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6421

Trang: 1/2

Phòng thi: C401

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:36

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000277	Trương Tô Hoài	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000280	Nguyễn Lê Vân	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900378	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900379	Nguyễn Trần Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	A2000285	Quách Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A2000287	Phạm Trương Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A2000195	Trang Thị Hồng	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000289	Nguyễn Thị Ngọc	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000294	Lý Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000203	Trương Thị Thanh	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000204	Kiều Mai	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000206	Trần Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900395	Trần Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000295	Nguyễn Duy Thúy	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000301	Phùng Thị Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000305	Dương Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000306	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A2000219	Nguyễn Thùy Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A2000222	Bùi Phương	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000311	Lưu Thái	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6421

Trang: 2/2

Phòng thi: C401

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:36

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A2000313	Võ Trọng Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000321	Bùi Kim Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000234	Mai Thị Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000235	Phạm Nguyễn Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000236	Trần Thanh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A2000244	Phan Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	A2000327	Võ Hương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1800455	Nguyễn Minh Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	A2000333	Võ Nguyễn Thanh Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	A2000334	La Trần Thanh Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	A2000257	Nguyễn Hải An Thuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	A2000338	Hồ Ngọc Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	A2000339	Vương Nữ Kiều Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	A2000348	Huỳnh Ngọc Trúc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	A2000351	Phan Ngọc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	A2000352	Trần Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6449

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 70 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000762	Trần Mạnh Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000355	Vũ Bảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001592	Châu Kim Hồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000987	Đào Gia Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000369	Trần Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001598	Bùi Duy Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000139	Nguyễn Hồng Liên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000568	Nguyễn Thùy Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72000358	Nguyễn Quốc Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72000099	Huỳnh Thị Ngọc Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000084	Huỳnh Mỹ Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001510	Âu Mỹ Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000922	Bồ Trọng Ngôn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001615	Trần Thanh Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	51900667	Nguyễn Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72000404	Hứa Vương Thảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000385	Nguyễn Đặng Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000050	Vũ Thị Thu Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001406	Lê Quốc Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000718	Nguyễn Trường Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6449

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 70 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000411	Trần Duy	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000776	Trần Thị Bích	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000961	Đào Phạm Duy	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000199	Huỳnh Lê Thái	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B2000425	Phạm Lưu Nha	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000936	Võ Phát	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900905	Nguyễn Trần	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B2000430	Võ Ngọc	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6450

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 70 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72000535	Giang Ngọc Mỹ	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72000537	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72000548	Nguyễn Như	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001583	Đoàn Dương Mộng	Cầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72000556	Nguyễn Minh	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000940	Trương Thị Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001825	Lee	Eunji		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001587	Đinh Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001069	Hoàng Thanh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72000574	Châu Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001667	Phạm Thị	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001591	Trà Ánh	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000597	Nguyễn Hữu	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72000957	Đặng Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001600	Nguyễn Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001604	Mai Hữu	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72000935	Trần Cẩm	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000632	Trương Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72000979	Trịnh Khánh	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001621	Võ Tá	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6450

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 70 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72000445	Dương Thanh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72000705	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001734	Trương Minh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001631	Lâm Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72000722	Nguyễn Vương Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72000766	Nguyễn Đinh Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001155	Lê Thị Kim	Xuyến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6451

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:31

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 70 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000690	Đỗ Thu An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001579	Phùng Đức Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000287	Nguyễn Loan Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001824	Youn Anhduy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000868	Đặng Ngọc Minh Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000706	Trần Nguyễn Ngọc Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000319	Trần Bảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	12000176	Nguyễn Ngọc Phương Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000122	Phan Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000380	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000393	Lê Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	12000062	Mai Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000908	Nguyễn Thị Cẩm Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000913	Nguyễn Lê Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000150	Nguyễn Phạm Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000797	Trần Diễm Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	12000536	Nguyễn Ngọc Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000140	Nguyễn Phú Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000801	Đỗ Anh Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000808	Trần Mỹ Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6451

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:31

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 70 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000200	Nguyễn Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000934	Nguyễn Ngọc Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000196	Phạm Thị Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000248	Trần Thị Huyền Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000939	Hồ Thị Bích			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001826	Choeun Udom			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02000941	Hà Phương Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02000623	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02000942	Phạm Ngọc Tú Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02000849	Trương Nhã Văn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	72001827	Eung Virakti			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6452

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 71 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000165	Nguyễn Huỳnh Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	22000338	Lê Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000857	Phương Hoài	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000860	Vũ Khắc	Biển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000867	Nguyễn Nhựt	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000637	Nguyễn Chí	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	22000356	Võ Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000185	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000186	Trần Thụy Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000192	Phan Thị Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000288	Hồ Ngọc Mỹ	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000897	Bùi Hồ Đình	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	22000365	Lương Vĩ	Kiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000366	Nguyễn Thanh Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001145	Nguyễn Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	22000094	Lý Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000828	Nguyễn Quốc Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	22000109	Trần Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A2000314	Nguyễn Hiền	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	22000396	Trần Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6452

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 71 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001068	Phạm Nguyễn Hoàng Gia	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000318	Huỳnh Thị Thanh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000852	Đoàn Thị Minh	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000126	Trương Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000137	Bùi Thị Thanh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	22000216	Phan Hoàng Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6453

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 71 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000002	Lê Thị Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000634	Trần Hoài	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000348	Võ Thị Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72000284	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000377	Lư Minh	Hu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000052	Nguyễn Hoàng Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000381	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000991	Trần Thị Kim	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000082	Vũ Bảo	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72000331	Võ Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001686	Tạ Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000381	Trịnh Thanh Thiên	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000298	Phan Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001711	Nguyễn Quốc	Nhụt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001714	Lâm Tiến	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001623	Trần Trọng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62001030	Lê Thị	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62001047	Nguyễn Thị Tâm	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72000183	Nguyễn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72000185	Trần Thị Thu	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6453

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 71 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62001073	Lê Nguyễn Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001007	Trân Mai	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72000922	Phan Văn	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000936	Lê Đình	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001639	Hoàng Thị Hải	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6454

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 71 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000693	Nguyễn Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000290	Trần Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	12000202	Trần Tiểu	Bội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000702	Phạm Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72000563	Đoàn Ngọc Thuỳ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000325	Võ Thị Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000245	Phạm Ngọc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000741	Mạch Hoàng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000753	Nguyễn Thị Nhã	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000755	Tôn Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000363	Phạm Bích	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	12000044	Phạm Thanh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000764	Nguyễn Trần Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000765	Trần Hoàn	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000375	Trần Hoa Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000398	Nguyễn Thị Trúc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000177	Đào Tú	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000439	Trương Bảo	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	12000080	Phan Thành	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	12000082	Đặng Quỳnh Thiên	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6454

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 71 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72000706	Phạm Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000213	Nguyễn Thùy Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72000738	Kỷ Khánh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000753	Lê Bùi Thúy	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001751	Dương Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72000776	Phan Thị Yến	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02000855	Huỳnh Anh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02000276	Nguyễn Thị Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6455

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 72 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000862	Bùi Nguyên Chính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000033	Tăng Như Đại			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000866	Nguyễn Hải Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000643	Nguyễn Tôn Điền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000497	Lữ Phúc Lực			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000767	Nguyễn Châu Trọng Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000077	Trần Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000774	Lê Minh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000684	Võ Tấn Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001332	Phạm Vũ Hoàng Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000571	Trần Lê Nhật Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000534	Nguyễn Thị Tuyết Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000536	Nguyễn Hồng Nhiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000931	Phan Vũ Yến Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000859	Nguyễn Hữu Hoài Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000936	Võ Ngọc Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000871	Đoàn Phương Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001246	Dương Văn Song			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000830	Dương Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000884	Nguyễn Hữu Thiên Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6455

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 72 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001365	Nguyễn Nhật Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	22000164	Nguyễn Minh Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001370	Bùi Phú Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001376	Huỳnh Tín Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001378	Nguyễn Viết Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000508	Huỳnh Cát Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42001386	Dương Kiến Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000275	Vũ Hoàng Yên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6456

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 72 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000276	Phạm Thị Bích	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000754	Trần Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000020	Phan Thị Kim	Chăm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000343	Hà Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000996	Đặng Nguyễn Thanh	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000344	Lê Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000771	Nguyễn Lê	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000020	Tất Dư Thị	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72000822	Phan Nguyễn Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000772	Trịnh Duy	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000917	Trần Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000887	Hoàng Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000105	Nguyễn Lê Ban	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000844	Nguyễn Hoàng Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000845	Nguyễn Ngọc Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001086	Nguyễn Quỳnh	Nhu'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001728	Nguyễn Phùng	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A2000244	Phan Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A2000327	Võ Hương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000335	Nguyễn Hoàng Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6456

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 72 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001744	Viên Ngọc Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001746	Mai Đặng Mỹ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000346	Mai Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000436	Nguyễn Thanh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000982	Ngô Thiên	Vĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001755	Nguyễn Thị Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	A2000349	Nguyễn Thị Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32001311	Lê Thị Phi	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6457

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 72 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000012	Lê Nguyễn Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000696	Trương Tiểu	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000036	Phạm Lê Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000317	Huỳnh Hoàn	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	12000027	Nguyễn Hoàng	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000329	Phạm Thị Phú	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000509	Nguyễn Văn	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000083	Bùi Thị Kim	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000093	Nguyễn Đan Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000095	Nguyễn Huỳnh Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000408	Lê Văn	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000117	Hồ Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000120	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000775	Hoàng Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000796	Phùng Ngọc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	12000079	Nguyễn Cao	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H2000460	Mai Ngọc Trường	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000190	Phạm Minh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000206	Đỗ Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000930	Nguyễn Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6457

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 72 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000450	Trần Thủy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000689	Nguyễn Thanh Trà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000202	Ngô Minh Kim	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000843	Mai Thanh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000947	Phạm Thị Xuân Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	12000263	Nguyễn Mai Phi Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	12000099	Đỗ Triệu Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	12000101	Trương Thị Thúy Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6458

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 73 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000076	Lê Thụy Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001121	Hoàng Việt	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000725	Trần Trí	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001141	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000642	Trần Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000353	Trần Lê Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000883	Nguyễn Đoàn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000041	Nguyễn Phúc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000047	Phạm Thái	Học		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001169	Nguyễn Gia	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001321	Đào Tấn	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000377	Phạm Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000322	Trần Thị Diễm	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000075	Phan Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000998	Trần Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000401	Nguyễn Thành	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000031	Vũ Thị	Liễu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62001001	Lê Thành	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62001016	Phan Thị Mỹ	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000829	Mai Đức	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6458

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 73 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000870	Huỳnh Nhật Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000856	Đàm Duy Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000950	Lâm Bửu Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62001059	Bùi Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6459

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 73 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000340	Phạm Hải An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	12000314	Trần Đăng Việt Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000039	Lê Thị Cẩm Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000416	Đặng Nhật Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000394	Trần Đại Trung Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000633	Đào Gia Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000288	Nguyễn Đình Danh Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000913	Trịnh Minh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000082	Trần Thị Tố Lin			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000391	Nguyễn Phan Duy Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000596	Phạm Lê Trúc Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000106	Mai Thị Ánh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000387	Trần Thị Ý Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001525	Trần Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001710	Phan Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001717	Trần Thanh Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	12000472	Nguyễn Lê Trúc Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72001729	Hồ Thị Thanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000409	Hầu Phước Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000413	Lê Tô Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6459

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 73 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000188	Võ Thị Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001741	Nguyễn Trần Trung Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B2000418	Nguyễn Văn Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	12000376	Nguyễn Ngọc Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81900589	Bùi Đức Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6460

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 73 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000490	Trần Nhân Ái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000009	Trịnh Thị Minh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	22000359	Tống Thị Ngọc Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	12000216	Trần Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001036	Nguyễn Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	12000040	Võ Ngọc Giang Lam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	22000371	Nguyễn Thị Cẩm Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H2000079	Trần Nguyễn Duy Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	12000045	Võ Nguyễn Thanh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000138	Võ Thái Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	12000063	Nguyễn Vũ Thảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	22000395	Trần Ngọc Linh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	12000352	Huỳnh Thị Hồng Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000400	Nguyễn Mai Tâm Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000157	Đoàn Thị Yến Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000677	Khổng Minh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	22000066	Trần Hoàng Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000191	Huỳnh Tôn Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000198	Lưu Lê Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000684	Phan Thị Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6460

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 73 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	22000419	Nguyễn Thị Xuân	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	22000422	Nguyễn Thị Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000692	Trần Ngọc Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	12000260	Nguyễn Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000619	Bùi Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000948	Vũ Quang	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	22000443	Nguyễn Ngọc Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02000951	Hà Nguyễn Thanh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6461

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 74 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001300	Nguyễn Huy Thảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000280	Nguyễn Lê Vân	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001128	Đỗ Minh	Chính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001144	Đỗ	Đồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000890	Nguyễn Công	Hoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001315	Hồ Trần	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001316	Lê Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001320	Nguyễn Trọng	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000811	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001328	Trịnh Hồng	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000915	Nguyễn Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000924	Vũ Tuấn	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A2000306	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000655	Trần Lê	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000258	Nguyễn Quang	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001234	Đoàn Minh	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001352	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001354	Bùi Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000605	Võ Lê Phúc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001088	Hoàng Trần Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6461

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 74 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000725	Huỳnh Võ Chí	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001382	Đào Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000160	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000981	Lê Chí	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000351	Phan Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000984	Thái Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6462

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 74 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001121	Nguyễn Ngọc Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000020	Phan Thị Hồng	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	22000031	Trần Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	22000355	Trần Thị Hà	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000721	Trần Thị Kim	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001223	Trần Công	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001137	Vũ Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000082	Nguyễn Thị Thanh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001355	Lê Duy	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000372	Nguyễn Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72000332	Nguyễn Thị Thanh	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000366	Phạm Thị Hoàn	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000375	Lý Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72000383	Ngô Nguyễn Hữu	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001383	Nguyễn Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000174	Đặng Thị Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000098	Nguyễn Chí	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	22000428	Hoàng Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000232	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	22000433	Trần Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6462

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 74 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32001299	Lê Thị Kim	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000306	Đinh Huyền	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000485	Tô Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	22000447	Lê Hoàng Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000487	Nguyễn Thị Phương	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	22000469	Luo	Yi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6463

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 74 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001644	Huỳnh Thị Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001648	Nguyễn Bách	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000661	Phan Xuân	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001669	La Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001672	Phùng Duy	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000062	Hứa Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001489	Ông Nguyên	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001689	Võ Minh	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001056	Lê Anh	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000389	Lâm Thị Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000416	Hoàng Sỹ	Oai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001531	Trương Thị Chu	Ôn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000676	Lê Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000941	Lê Đức Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	92000318	Trần Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001074	Đỗ Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001829	Sok	Sara		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000401	Nguyễn Tân	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001627	Nguyễn Trần Công	Tạo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001083	Lê Phước	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6463

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 74 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000301	Nguyễn Phú Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000160	Nguyễn Thạch Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000303	Huỳnh Thanh Thiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H2000475	Ông Minh Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001630	Lê Kim Thoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000431	Châu Ngọc Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001557	Hồ Cao Thực Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000434	Trần Huỳnh Triết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6471

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 77 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	22000011	Đặng Nguyễn Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000792	Lưu Chí	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000796	Nguyễn	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000997	Trần Công	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000869	Nguyễn Hiển	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000870	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000878	Lê Mỹ	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001134	Lương Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	22000065	Huỳnh Văn	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000898	Lê Nguyễn Quốc Xuân	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000551	Nguyễn Trần Anh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000912	Trương Trọng	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000819	Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000089	Nguyễn Thị Thúy	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	22000386	Trương Thị Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000758	Thạch Trần Bình	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	22000138	Đặng Thiện	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000661	Nguyễn Tân	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001077	Nguyễn Hà	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000960	Lâm Vĩnh	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6471

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 77 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000834	Nguyễn Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000714	Nguyễn Mạnh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000384	Lê Thị Hà	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000839	Nguyễn Văn	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000625	Ông Bảo	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000983	Đặng Thanh	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6472

Trang: 1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 77 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000015	Ma Nhật	Biển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000610	Trịnh Anh	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001305	Đặng Đức	Chính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001463	Chu Đức Chí	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001000	Nguyễn Huỳnh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000331	Trần Quốc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000443	Phùng Phúc	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	92000190	Đặng Minh	Hi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001340	Hồ Lưu	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001166	Mai Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	92000309	Võ Đức	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001690	Phạm Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000909	Preann	Mesa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001053	Đàm Khánh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001695	Lý Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001064	Nguyễn Hữu	Nhơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001713	Trần Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000462	Dương Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001732	Lâm Ngọc Lan	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001087	Mai Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6472

Trang: 2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 77 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000720	Nguyễn Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001269	Mai Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001095	Trần Cảnh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001099	Nguyễn Lê Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001103	Nguyễn Trọng	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62001089	Nguyễn Phùng Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001569	Đoàn Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6473

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 77 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000245	Nguyễn Hoàng Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000001	Lê Hoàng Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000347	Huỳnh Tân	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000032	Nguyễn Thị Yến	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000248	Nguyễn Minh	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000393	Cao Vũ Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000372	Nguyễn Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000375	Nguyễn Mai	Hoàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000380	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000073	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000383	Nguyễn Minh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000281	Lê Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A2000294	Lý Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000404	Đỗ Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000403	Phan Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000421	Phan Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000344	Phan Văn	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A2000111	Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000437	Phạm Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000439	Trần Kim	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6473

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 77 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000442	Lê Kiều Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000298	Phạm Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000433	Cao Phạm Hoài	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000141	Nguyễn Thị Thanh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E2000253	Nguyễn Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6474

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 78 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000007	Phạm Nhật	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000712	Nguyễn Thành	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000905	Thiệu Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	22000367	Phạm Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	12000223	Trần Hoàng Hải	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	12000225	Đỗ Hằng	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000124	Lôi Tú	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	12000058	Tô Phạm Mỹ	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	22000388	Đồng Xuân	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000784	Phạm Trần Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	12000241	Nguyễn Trương Hoài	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000115	Lương Minh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000187	Nguyễn Thành	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001278	Bùi Thị Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	22000410	Nguyễn Trung	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000136	Trần Đức	Thọ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000819	Huỳnh Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000142	Nguyễn Quốc	Tịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	12000191	Nguyễn Thị Hoàng	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	22000432	Phạm Thị	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6474

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 78 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000150	Lâm Hải	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001184	Nguyễn Sơn	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001185	Châu Lê Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	22000441	Vũ Thị Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000739	Nguyễn Phi Yến	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001309	Trịnh Vũ Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6475

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 78 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000959	Dương Uyên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001298	Lê Đức	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000964	Kiều Quyết	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000973	Huỳnh Võ Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000980	Võ Đông	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000783	Nguyễn Chí	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001171	Quách Kim	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000798	Phùng Đình	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000989	Trần Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000906	Đoàn Huỳnh Phi	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000807	Lê Trần Hồng	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000424	Nguyễn Ngọc Như	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000407	Châu Minh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000818	Nguyễn Minh	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001207	Nguyễn Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000823	Nguyễn Hoàng Quốc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62001006	Trương Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61900666	Bùi Thị Ái	Ngôn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000852	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000881	Trần Thị Trúc	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên:
		Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6475

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 78 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000912	Phạm Viết Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000919	Nguyễn Văn	Tốt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001094	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6476

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 78 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000250	Thái Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000345	Trần Quốc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000347	Ngô Vũ	Ca		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000030	Đặng Đăng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000262	Đinh Trần Tiến	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000358	Trần Thị Mỹ	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000045	Hồ Trần Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000278	Lê	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000196	Nguyễn Phi	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000368	Tống Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000292	Lê Minh	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H2000414	Lâm Tuấn	Lương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000744	Than	Makara		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62001012	Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000111	Nguyễn Nữ Ái	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62001027	Huỳnh Thanh	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000135	Nguyễn Đăng Gia	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000395	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	92000291	Mai Đình Anh	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H2000517	Chhun	Sivlinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6476

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 78 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62001055	Phan Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H2000146	Huỳnh Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B2000417	Lê Minh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62001068	Đặng Trọng Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62001078	Nguyễn Quang Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62001079	Phan Phước Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000712	Đỗ Thị Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	62001095	Nguyễn Ngọc Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6377

Trang: 1/1

Phòng thi: B204

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:19

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0320	Phạm Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0324	Lương Khánh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0325	Mai Lê Trúc	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0329	Trần Văn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0333	Nguyễn Thị Hồ	Điệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0343	Cù Lê Phương	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0349	Vũ Thị	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0353	Hín Đạt	Huê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0356	Nguyễn Huỳnh Tú	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0360	Nguyễn Phụng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0374	Hoàng Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0375	Hoàng Thị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0378	Dương Mai	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0387	Lê Lâm Gia	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0390	Phạm Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0392	Võ Thị Diễm	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0401	Nguyễn Nhựt	Ngoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0424	Huỳnh Vạn	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0430	Đinh Thị Mai	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6378

Trang: 1/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0001	Huỳnh Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0314	Phan Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0315	Quách Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0194	Nguyễn Phương	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0384	Nguyễn Thị Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0415	Nguyễn Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0253	Phạm Huỳnh Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0419	Nguyễn Thị Kim	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0101	Nguyễn Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0426	Nguyễn Trịnh Ân	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0259	Huỳnh Lê Mỹ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0436	Tô Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0448	Phạm Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0461	Nguyễn Thành	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0469	Trần Thị Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0481	Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0488	Nguyễn Thị Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0491	Dương Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0162	Nguyễn Đoàn Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0503	Nguyễn Phượng Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6378

Trang: 2/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	220H0508	Trần Thị Kim Yến			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6379

Trang: 1/1

Phòng thi: B210

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0172	Lê Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0176	Nguyễn Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0338	Phương Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0355	Trần Ngọc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0369	Bùi Nguyễn Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0370	Nguyễn Trương Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0223	Lê Nguyễn Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0385	Phạm Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0391	Trần Phạm Kiều	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0067	Lê Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0398	Phạm Thị Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0405	Phan Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0408	Huỳnh Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0114	Phùng Bảo Minh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0134	Đoàn Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0467	Bùi Thái	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0138	Nguyễn Thị Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0140	Đặng Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0297	Ngô Hoàng Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0167	Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6367

Trang: 1/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:33

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0310	Hồ Đông	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0311	Nguyễn Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0332	Huỳnh Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0195	Nguyễn Thị Trúc	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0354	Võ Gia	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0044	Phan Song	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0373	Đặng Thị Mai	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0389	Nguyễn Như Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0065	Cao Văn Ngọc	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0396	Bùi Lương Trúc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0069	Nguyễn Mai Ngọc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0410	Ngô Ngọc Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0416	Vũ Thị Tuyết	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0256	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0418	Nguyễn Thị	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	22000137	Cao Lê	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0421	Lê Hoàng Tuấn	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0422	Nguyễn Ngọc	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0427	Phù Vương	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0428	Huỳnh Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6367

Trang: 2/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:33

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	220H0440	Trần Thị Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	220H0443	Mai Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	220H0445	Ngô Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	220H0462	Lê Trọng	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	220H0136	Lê Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	220H0476	Cao Ngọc Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	220H0477	Đặng Ngọc Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	220H0285	Nguyễn Hồng	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	220H0489	Nguyễn Ngọc Minh	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	220H0497	Đặng Tăng Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	220H0500	Nguyễn Lê Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	220H0502	Nguyễn Phan Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	220H0305	Tất Ngọc	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6380

Trang: 1/1

Phòng thi: B305

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0347	Vũ Ngọc Anh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0348	Nguyễn Lê Diễm	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0226	Trương Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0227	Nguyễn Phạm Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0394	Phạm Phú	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0229	Huỳnh Phương	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0409	Lê Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0412	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0417	Huỳnh Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0437	Nguyễn Thành	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0449	Trần Thị Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0451	Hoàng Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0452	Lê Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0457	Vũ Lê Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0482	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0486	Nguyễn Văn	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0487	Dương Ngọc Thanh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0490	Vương Hải	Ty		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0504	Nguyễn Thị Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0301	Phạm Hồng Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6381

Trang: 1/1

Phòng thi: B310

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:19

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0002	Nguyễn Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0313	Phan Nhật Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0179	Trần Thị Quê			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0322	Nguyễn Thị Thanh Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0190	Nguyễn Trần Hải Cơ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0014	Lê Nhật Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0328	Trần Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0331	Vũ Ngọc Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0339	Hoàng Thụy Gia			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0351	Ngô Ái Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0032	Ngô Hồng Huệ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0210	Dương Thành Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0058	Phạm Thị Thanh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0089	Lê Ngọc Vân Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0100	Hồ Thị Yến Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0107	Tô Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0475	Phạm Xuân Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0155	Bùi Ngọc Thảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0169	Nguyễn Thị Kim Yên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6384

Trang: 1/1

Phòng thi: B311

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0003	Hoàng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0180	Hồ Phước Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0319	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0323	Hoàng Kim	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0334	Trương Phan Trúc	Diêu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0197	Võ Nguyễn Quỳnh	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0345	Tô Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0033	Nguyễn Lê	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0034	Phạm Thị Thanh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0363	Mai Lê Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0365	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0040	Võ Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0064	Phan Thị Ngọc	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0397	Huỳnh Lê Ngọc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0070	Trang Tố	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0240	Hứa Nguyễn Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0085	Cao Ngọc Hoàng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0099	Cao Trần Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0127	Lê Hà Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0484	Lê Nguyễn Quang	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6385

Trang: 1/1

Phòng thi: B401

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0309	Nguyễn Thiên Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0326	Bùi Phát Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0342	Nguyễn Văn Thùy Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0359	Nguyễn Thị Hường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0393	Nguyễn Hoàng Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0399	Trần Hà Thanh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0402	Nguyễn Hồng Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0407	Đỗ Hoàng Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0252	Lê Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0425	Phạm Huy Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0434	Nguyễn Thị Cẩm Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0435	Lê Nguyễn Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0447	Nguyễn Thị Hồng Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0450	Nguyễn Đặng Hoài Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0459	Khưu Hoàng Hồng Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0483	Trần Lê Phước Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0485	Nguyễn Quang Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0493	Võ Trần Phương Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0494	Trần Thị Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0501	Nguyễn Ngọc Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6386

Trang: 1/1

Phòng thi: B402

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:20

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0307	Trần Thị Mỹ	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0318	La Phạm	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0321	Hồ Xuân	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0330	Hà Thị	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0336	Nguyễn Xuân	Đồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0362	Trần Thái	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0364	Mai Nguyễn Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0366	Võ Phan Diệu	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0367	Nguyễn Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0372	Nguyễn Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0377	Nguyễn Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0382	Trần Nguyễn Hoài	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0383	Lương Thị Huỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0395	Võ Đức	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0403	Phạm Thị Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0429	Trần Gia	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0262	Phan Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0456	Phan Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0465	Nguyễn Quế	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0281	Lâm Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6387

Trang: 1/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0023	Trần Thanh Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0214	Nguyễn Diệu Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0376	Nguyễn Đặng Yến Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0380	Lê Hoàng Khánh Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0062	Trần Tuấn Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0077	Trương Thị Hồng Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0087	Hồ Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0094	Trần Ngọc Tuyết Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0420	La Thị Nương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0423	Nguyễn Đình Thiên Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0103	Nguyễn Hồng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0431	Nguyễn Lê Minh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0446	Nguyễn Lê Hoài Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0454	Nguyễn Phúc Thanh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0455	Nguyễn Thị Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0471	Lê Hoàng Thiên Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0473	Nguyễn Thị Huyền Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0480	Đoàn Huỳnh Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0492	Hoàng Ngọc Lê Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0505	Trần Thị Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6387

Trang: 2/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	220H0507	Lương Hoàng Yến			•	<input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/>	<input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/>		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6382

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0308	Võ Thúy An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220H0317	Vũ Ngọc Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220H0327	Ma Tân Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220H0340	Phan Huỳnh Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220H0361	Trần Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	220H0381	Nguyễn Đỗ Khánh Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220H0406	Bùi Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	220H0414	Trương Bảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0250	Huỳnh Thị Ngọc Nhiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	220H0432	Nguyễn Thị Mai Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220H0433	Phạm Đăng Hoàng Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0266	Nguyễn Hoài Vân Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0269	Nguyễn Lý Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220H0271	Tăng Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	220H0453	Lý Ngọc Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	220H0464	Lê Nguyễn Quỳnh Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	220H0279	Phạm Quỳnh Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	220H0466	Văn Thị Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0470	Hà Thị Thùy Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0474	Trần Minh Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6382

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán (204021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	220H0495	Lưu Ngọc Tường	Vi		•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6528

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0047	Võ Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0002	Mai Thanh Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0187	Huỳnh Lê Anh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0055	Lâm Mai Hồ Nhựt	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0202	Trần Mai Gia Hiệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0075	Huỳnh Võ Phú Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0132	Phan Thanh Liêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41600130	Nguyễn Thanh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0208	Nguyễn Hoàng Giang Đại Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41600069	Trần Như Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0170	Cao Đặng Tiến Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	419V0024	Trần Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0198	Trần Bảo Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0209	Bùi Nhật Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0173	Trần Tú Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0210	Nguyễn Hoàng Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0175	Lê Trần Quang Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0117	Nguyễn Minh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0216	Bùi Hoàng Ngọc Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0144	Dương Thành Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6528

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0182	Võ Văn Vẹn			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0201	Trần Thành Vũ			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6529

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0221	Nguyễn Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0225	Lê Hoàng	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0228	Huỳnh Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0302	Võ Khánh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0236	Phạm	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0243	Lê Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0304	Nguyễn Gia	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0306	Nguyễn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0307	Lê Hoàng	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0308	Nguyễn Hữu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0309	Triệu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0254	Nguyễn Phan Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0260	Đặng Vũ Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0263	Nguyễn Phan Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0264	Dương Minh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0314	Trần Tân	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0268	Nguyễn Hồng	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0271	Nguyễn Hoàng	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0319	Phạm Ngọc Trường	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0274	Trà Trí	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6529

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0279	Mã Hồng	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0288	Hoàng Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	420H0321	Nguyễn Thái Sơn	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6530

Trang: 1/2

Phòng thi: B409

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0220	Lê Đình	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0145	Lê Phạm Tùng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0046	Nguyễn Hữu	Bằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0222	Huỳnh Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0223	Nguyễn Quang	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0186	Vũ Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0059	Nguyễn Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	418H0114	Nguyễn Đình	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41606030	Nguyễn Thế	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0072	Lê Ngô Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0158	Lương Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0191	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0078	Phạm Huy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0193	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0168	Nguyễn Trung	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0172	Bùi Lê	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41606067	Nguyễn Trung	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0199	Lê Long Song	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0217	Trần Thanh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41606088	Nguyễn Trường	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6530

Trang: 2/2

Phòng thi: B409

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41606089	Trần Minh Tuấn			•	<input checked="" type="radio"/> V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0126	Nguyễn Minh Việt			•	<input checked="" type="radio"/> V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6531

Trang: 1/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0224	Trương Nguyễn Huy	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0227	Hà Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0229	Lê Huy	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0230	Phạm Hữu Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0240	Trần Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0241	Triệu Huỳnh Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0242	Đặng Ngọc Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0246	Nguyễn Ngọc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0249	Phạm Huy	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0250	Lại Văn	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0253	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0255	Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0256	Võ Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0257	Nguyễn Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0259	Nguyễn Trần Anh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0299	Hồ Đức	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0265	Đinh Nguyễn Gia	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0269	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0270	Lê Phước Kim	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0278	Ngô Đức	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6531

Trang: 2/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0289	Bùi Thanh Tùng			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0292	Trương Tuấn Vũ			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6376

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:32

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0031	Nguyễn Ngọc Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0232	Đào Trung	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0233	Nguyễn Lê Anh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0154	Nguyễn Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0237	Thái Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0239	Phạm Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0190	Nguyễn Ngọc	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0073	Lê Vũ Anh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0251	Lê Vỹ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0077	Nguyễn Uy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0296	Nguyễn Nam	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0258	Nguyễn Ngọc	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0205	Doãn Tùng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0312	Nguyễn Trung	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0141	Thái Khả	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0266	Trần Tô Đức	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0095	Chẽm Lê An	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0272	Nguyễn Hoàng	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0176	Nguyễn Ngọc Công	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0273	Phan Công	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6376

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:32

Lần:1

Môn học: Giải tích mạch điện 1 (401058 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0275	Trần Hạo	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0276	Huỳnh Chí	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	420H0277	Kiều Võ Quang	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	417H0114	Nguyễn Bảo	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	420H0282	Nguyễn Hoàng	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	420H0283	Nguyễn Hoàng	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	420H0119	Đỗ Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	420H0215	Nguyễn Như	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	420H0285	Trần Lâm	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	420H0287	Cao Hoài	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	420H0219	Tôn Nghiêm Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	420H0291	Bùi Trần	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6433

Trang: 1/1

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:8

Lần:1

Môn học: Hóa sinh (603105 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	620K0025	Nguyễn Thành Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	620K0121	Lưu Ngọc Phương Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	620K0040	Phạm Linh Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	619V0011	Nguyễn Huỳnh Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	620K0061	Mai Trần Minh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	620K0064	Trịnh Nhật Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	619V0014	Trần Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	620K0143	Bùi Phương Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/		1/			
2/		2/			

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6525

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000882	Diệp Lê Đại	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000381	Nguyễn An	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001043	Nguyễn Huỳnh Khánh	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000651	Nguyễn Hùng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000896	Nguyễn Hoàng	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000899	Tạ Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001061	Nguyễn Trương Khôi	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000923	Trần Tam	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001342	Trương Thiện	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000794	Lưu Mỹ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001244	Nguyễn Văn	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000922	Nguyễn Thị Hồng	Thẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001082	Hồ Văn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000600	Trịnh Đức	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000328	Nguyễn Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000329	Nguyễn Thị Anh	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000497	Ngô Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001275	Trần Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001276	Lê Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001282	Trần Khánh	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6525

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000940	Nông Thị Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001284	Nguyễn Văn Tỷ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000847	Đỗ Thị Khánh Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000860	Trần Hoàng Khánh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001310	Lê Thị Ngọc Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6521

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001296	Đậu Văn Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000695	Trần Hà Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000715	Nguyễn Trà Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000719	Hoàng Thu Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000727	Phạm Quốc Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000304	Nguyễn Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000745	Đoàn Hiếu Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H2000254	Trần Diệu Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H2000412	Nguyễn Gia Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	12000221	Bành Thị Xuân Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000761	Nguyễn Huệ Mẩn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000521	Phạm Hà Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000769	Nguyễn Thanh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H2000430	Phan Thiên Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	12000457	Võ Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000783	Thái Thị Nhàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H2000439	Hồ Thị Thanh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000787	Nguyễn Diệp Bảo Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H2000447	Nguyễn Đình Sơn Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001346	Trần Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6521

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000804	Phạm Tố Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000820	Lê Ngọc Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	12000255	Thái Hà Minh Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	12000094	Vũ Thị Kiều Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001379	Nguyễn Xuân Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001385	Trần Anh Đạt Văn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H2000506	Lê Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H2000510	Trầm Khả Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6522

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 93 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000626	Phạm Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001131	Đồng Anh Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001137	Lâm Ngọc Danh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000971	Huỳnh Khánh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	12000510	Phạm Thị Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000736	Nguyễn Lê Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000900	Nguyễn Sơn Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000744	Trần Gia Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	12000398	Nguyễn Lê Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900992	Nguyễn Hoài Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000776	Nguyễn Ánh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000777	Phạm Thị Yến Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000790	Ngô Lê Hoài Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001226	Huỳnh Thiên Pháp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001166	Cao Tân Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000916	Nguyễn Thị Trúc Phi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901018	Lê Trần Vĩnh Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000802	Lê Thị Mỹ Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000796	Nguyễn Thị Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000810	Nguyễn Quốc Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6522

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 93 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000894	Nguyễn Huỳnh Vân	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000922	Phan Huỳnh Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000929	Hoàng Lê Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000865	Nguyễn Tân	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000934	Lê Quốc	Trưởng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001100	Nguyễn Anh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6523

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 93 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001294	Nguyễn Vĩnh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000002	Trần Thị Nhã	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900504	Vũ Ngọc Tuân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	A2000281	Trần Phương	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000881	Lê Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000361	Hà Thanh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000766	Phan Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900526	Vũ Nhật	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000821	Nguyễn Minh	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000211	Kiều Ngô Uyên	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000137	Ngô Thị Giáng	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000622	Võ Đoàn Ngọc	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000399	Đinh Thị	Na		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000154	Trương Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000311	Lưu Thái	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000177	Trần Thị Thanh	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001134	Nguyễn Thị Linh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000390	Trần Thị Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001353	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000438	Tử Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6523

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 93 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000303	Phạm Minh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000450	Phùng Phước Thiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000254	Huỳnh Ngọc Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000138	Đào Thị Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000156	Nguyễn Châu Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A2000157	Huỳnh Cẩm Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6524

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 93 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000864	Lưu Huỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H2000356	Nguyễn Ngọc Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72000258	Nguyễn Thành Chiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000448	Phan Thanh Điền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H2000370	Nguyễn Khánh Đoan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000711	Nguyễn Thùy Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000307	Trần Thị Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000331	Vũ Văn Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000382	Nguyễn Văn Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001596	Mai Thị Ngọc Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001035	Huỳnh Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H2000411	Phan Lê Phương Loan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000759	Văn Thị Huyền Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	11900314	Võ Nguyễn Nhật Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H2000421	Bùi Thị Mụi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001610	Trần Lê Trà My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000906	Lê Thị Ý Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H2000443	Lê Quỳnh Như'			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000678	Nguyễn Đức Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000745	Pich Savanny			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6524

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 93 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	92000399	Louanglath Sisombat			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H2000466	Lê Hải Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H2000469	Nguyễn Thị Niên Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001735	Võ Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000817	Giang Trung Thiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01900523	Nguyễn Thị Kim Tuyến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H2000512	Triệu Phương Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6526

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000182	Bùi Quốc Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000798	Nguyễn Anh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001210	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000354	Lê Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000371	Lương Văn	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001020	Nguyễn Ngọc Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72000052	Phan Nguyễn Võ	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000895	Bùi Tân	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000291	Trần Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000910	Nguyễn Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000391	Phạm Ngọc Nhã	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000060	Nguyễn Viết Thanh	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000631	Phan Trịnh Tú	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000409	Võ Nguyễn Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000313	Võ Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000414	Lý Ái	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000416	Nguyễn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000933	Nguyễn Văn Bảo	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C2000210	Phạm Nguyễn Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000429	Phạm Hiền Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6526

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000939	Bùi Viết Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000940	Hoàng Văn Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000436	Nguyễn Thị Hương Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000955	Võ Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E2000463	Huỳnh Bảo Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72000794	Võ Thị Yến Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6527

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000692	Bùi Ngọc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001115	Cao Quyền	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000468	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	22000345	Lê Thị Ngọc	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	22000035	Nguyễn Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000713	Nguyễn Văn	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000717	Đỗ Thị Ngọc	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000722	Đoàn Thị Diệu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B2000365	Lã Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000277	Nguyễn Thị Phương	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001198	Tăng Hoàng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001495	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000364	Phan Thị	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B2000276	Nguyễn Thị Thục	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000774	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000096	Lê Khắc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000256	Nguyễn Hữu	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000791	Nguyễn Khánh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000412	Bùi Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000610	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6527

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	22000189	Nguyễn Huỳnh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000424	Đoàn Thuỳ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000209	Nguyễn Văn	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000317	Phan Tân	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001104	Phạm Quốc	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000434	Tạ Minh Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C2000264	Nguyễn Thị	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	22000445	Phan Võ Thảo	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6513

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 90 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000746	Phan Thị Trường	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000005	Bùi Phước	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000025	Nguyễn Vỹ	Cầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000874	Đặng Đình Tiến	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000887	Mai Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A2000195	Trang Thị Hồng	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001024	La Chung	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000797	Nguyễn Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000906	Nguyễn Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000204	Kiều Mai	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001239	Nguyễn Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000206	Trần Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001201	Nguyễn Bảo	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000915	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000219	Nguyễn Thùy Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001055	Võ Lê Hiếu	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000222	Bùi Phương	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000840	Lê Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31900788	Kim Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000235	Phạm Nguyên Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6513

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 90 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000228	Võ Hữu Tiễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000230	Đồng Thị Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000834	Lê Quỳnh Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001101	Huỳnh Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000348	Huỳnh Ngọc Trúc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000985	Trịnh Minh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6514

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 90 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1900034	Dương Tấn Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001002	Nguyễn Văn Doanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000189	Nguyễn Khánh Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900402	Trần Hữu Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001021	Trần Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000371	Tôn Thất Minh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000921	Quảng Trí Lương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000402	Ngô Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1900348	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900551	Nguyễn Thái Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000428	Đỗ Thị Hồng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000394	Võ Đan Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81900386	Thái Bình Vương Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000172	Nguyễn Thị Thực Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000874	Lê Thúy Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000447	Nguyễn Quốc Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000407	Trần Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000909	Nguyễn Sơn Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000318	Nguyễn Thị Minh Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000917	Phạm Quốc Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6514

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 90 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000468	Nguyễn Thị Kim	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000342	Trần Lương Hoàng	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81900212	Phạm Quang	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000940	Bùi Thị Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000305	Đoàn Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000227	Phạm Nhật	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C2000279	Nguyễn Mẫn Minh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6515

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 90 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000850	Trịnh Quốc Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000855	Lê Chí Tôn Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000330	Tạ Thành Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000732	Nguyễn Đình Minh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000623	Hoàng Anh Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000735	Nguyễn Tân Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000739	Phạm Thị Thanh Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000643	Nguyễn Duy Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000449	Phan Trung Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000823	Phan Lê Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000350	Trần Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	12000049	Bùi Nguyễn Thanh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	12000462	Lê Thị Ánh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900495	Đặng Tấn Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001348	Hà Đức Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	91900108	Nguyễn Quang Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000430	Đinh Song Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	12000111	Nguyễn Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41901047	Lê Nguyễn Nhựt Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	12000366	Võ Thanh Trà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6515

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 90 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	22000423	Trần Thảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	12000368	Hầu Thị Thanh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000694	Nguyễn Đức	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000840	Phan Ngọc	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H2000493	Nguyễn Lam	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71902080	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42001383	Nguyễn Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B2000441	Huỳnh Minh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6516

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000748	Nguyễn Thị Diệu	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000005	Lưu Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000752	Nguyễn Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000770	Phạm Quốc	Được		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000774	Phạm	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000062	Nguyễn Thị Thuỳ	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000069	Nguyễn Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000190	Tạ Chí Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000049	Phạm Trí	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000795	Trần Nguyễn Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000290	Nguyễn Thị	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000668	Nguyễn Trần Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000802	Trần Nhựt	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000808	Lưu Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000614	Lý Tuân	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000296	Trần Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000297	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A2000304	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000175	Võ Hạ	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000241	Nguyễn Thị Hoài	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6516

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000133	Trần Lâm Thế	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000140	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000282	Phạm Võ Kiều Mỹ	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000267	Nguyễn Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000327	Nguyễn Thị Khả	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6517

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000955	Cao Thụy Thuận	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001459	Trần Đào Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000961	Phan Thị Mộng	Cầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000990	Nguyễn Thị Định	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000811	Trần Nguyễn Hoài	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001038	Huỳnh Thành Trí	Nguyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A2000312	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000865	Lê Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72000430	Nguyễn Hoàng	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000873	Trần Đỗ Phương	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000258	Bùi Ngân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000323	Bùi Thị Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001540	Vũ Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000324	Nguyễn Văn	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000325	Đường Kim	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000330	Bùi Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000926	Đỗ Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000491	Nguyễn Thị Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000930	Trần Văn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000341	Phùng Trần Khả	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6517

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000937	Lương Hưng	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000234	Đào Nguyễn Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001110	Phan Thị Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000946	Phan Thị Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000947	Lê Hữu Thế	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000950	Võ Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6518

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000369	Lữ Phụng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000283	Phạm Nguyễn Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72000266	Huỳnh Thị Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001677	Vũ Trần Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001678	Huỳnh Võ	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62001100	Be	Lakhna		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000484	Trương Đỉnh Nhất	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72000354	Giang Thị Tuyết	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H2000427	Nguyễn Thị Gia	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000900	Đoàn Hoài	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001520	Lê Thị Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000310	Phạm Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000246	Nguyễn Thị Thùy	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72000436	Nguyễn Nhất	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H2000122	Nguyễn Vũ	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72000449	Đỗ Trịnh Minh	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H2000468	Lê Ngọc Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H2000472	Nguyễn Hoàng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H2000479	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000182	Đoàn Thị Ngọc	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/		Họ tên: 1/		Họ tên:	Họ tên:
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6518

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72000485	Nguyễn Lê Đoan	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	12000414	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000625	Trần Thị	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000950	Mai Đặng Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001754	Nguyễn Lê Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62001096	Nguyễn Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6519

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000734	Nguyễn Dương Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000297	Trần Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000863	Lê Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000337	Phạm Nguyễn Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000764	Dương Hoàng	Đẳng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001660	Phạm Lê Linh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000388	Nguyễn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000793	Bành Nghĩa	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000761	Bùi Tuấn	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000058	Phạm Hoàng	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000909	Lương Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000885	Hồ Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000889	Nguyễn Lê Bảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000778	Lê Phi	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000393	Lê Thành	Luật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000850	Trần Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	22000379	Nguyễn Tiểu	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	22000130	Thị Ái	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000129	Nguyễn Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000917	Nguyễn Lê Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/		Họ tên: 1/		Họ tên:	Họ tên:
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6519

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000923	Nguyễn Hoàng Ánh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	22000416	Nguyễn Ngọc	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B2000419	Trần Ngọc	Tiễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000465	Lương Thị Minh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000839	Nguyễn Thị Tú	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000467	Đặng Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02000943	Đỗ Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6520

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000956	Huỳnh Thị Vân An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001645	Phạm Kim Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H2000365	Lâm Huỳnh Nhựt Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71901318	Trương Tân Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001790	Phouthavong Dim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000966	Nguyễn Thành Đông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000983	Huỳnh Nhựt Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H2000387	Trần Ngọc Hoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H2000388	Đào Thị Minh Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000397	Hồ Thanh Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001693	Phạm Hiểu My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000654	Nguyễn Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000842	Nguyễn Anh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H2000445	Lê Thị Bảo Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000858	Nguyễn Thành Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000878	Trần Lê Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000883	Nguyễn Hoàng Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000599	Dương Đinh Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H2000480	Tạ Nguyễn Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H2000481	K' Jơ Nơng Sang Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6520

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL-25

Lần: 1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 002 - Đợt 7

Lần:

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H2000483	Dương Minh	Thy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	
22	62000914	Nguyễn Anh	Tiến		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	
23	42000970	Huỳnh	Trung		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	
24	H2000495	Phạm Sỹ Phương	Tuyền		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	
25	H2000496	Võ Thành	Tuyền		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên:		Họ tên:		Họ tên:	Họ tên:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6477

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 79 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000990	Nguyễn Trần Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	22000337	Vũ Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	22000340	Trương Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000991	Trương Công An	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000184	Lê Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	22000343	Ngô Nguyễn Thực	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	22000344	Trần Văn	Đoàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	22000351	Trần Thái Mỹ	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001231	Nguyễn Cao	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	22000363	Nguyễn Thảo	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	12000517	Lê Thị	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41901107	Quách Bảo	Lân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000577	Rơ Châm	Ling		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000370	Đặng Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001038	Lê Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000894	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	22000384	Mai Thị	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000943	Lê Quan	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000951	Cao Đức	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000925	Nguyễn Huyền Minh	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6477

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 79 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000287	Đào Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	12000310	Võ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000965	Trần Chí	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000716	Phạm Ngọc	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	22000420	Trần Minh	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	22000437	Hà Trang Phi	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6478

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 79 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000620	Lý Tuấn	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000622	Đặng Phùng Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000630	Lương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001123	Lý Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000999	Nguyễn Cao Phát	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001006	Nguyễn Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001068	Lê Phạm Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000449	Trần Triều	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001595	Trương Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001325	Trần Quốc	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001184	Phan Dĩ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001326	Trần Bảo	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001186	Nguyễn Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001502	Trần Gia	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001210	Xanh Hon	Mừng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001613	Lê Thị Thùy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001219	Lê Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000700	Trần Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001356	Lâm Tuấn	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001247	Đoàn Kim	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6478

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 79 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001367	Võ Xuân Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62001071	Lê Khánh Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001374	Nguyễn Cao Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001096	Nguyễn Đức Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001283	Tiền Tài Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001110	Trần Quang Tuyễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6482

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 79 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000021	Đào Linh	Đa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000382	Trần Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000044	Mai Thúy	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000053	Vương Huỳnh Ngọc	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000191	Nguyễn Thanh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000373	Nguyễn Thị Phương	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000196	Nguyễn Minh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000097	Trịnh Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000098	Võ Thị Diễm	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000107	Phạm Thị Mộng	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000130	Phạm Nguyễn Gia	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001703	Nguyễn Thị Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000104	Nguyễn Phùng Phúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C2000209	Phạm Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C2000094	Huỳnh Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001715	Hoàng Hà	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000171	Lê Thị Vân	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	92000048	Nguyễn Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	92000220	Trương Công	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000155	Nguyễn Hà	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6482

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 79 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000683	Nguyễn Hoàng Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000358	Bùi Trúc Thị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000223	Đặng Nguyễn Hoài Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000457	Lê Trần Việt Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000437	Phạm Minh Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000483	Phạm Thị Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6422

Trang: 1/1

Phòng thi: B202

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H0291	Thái Phạm Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1053	Hoàng Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H0299	Nguyễn Thị Thu	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H0317	Lê Đình Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1074	Lê Hoàng Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	719H0992	Lê Đoàn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H0343	Nguyễn Hoàn	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H0347	Bùi Trần Thiên	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H0358	Phù Thị Yến	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H0366	Lê Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1103	Võ Phước	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H0380	Vũ Huỳnh Lâm	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H0398	Nguyễn Vũ Minh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H0399	Đặng Ngọc	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H0412	Chung Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H0414	Đỗ Văn	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H0445	Huỳnh Minh	Tử		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H0447	Ngô Gia	Tuệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H0458	Ngô Bảo	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6423

Trang: 1/1

Phòng thi: B204

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1442	Trần Trúc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1452	Võ Hoàng	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B17H0062	Huỳnh Thị Cẩm	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1460	Phan Thị Mộng	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1461	Đặng Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H1468	Đỗ Thị Trúc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1469	Nguyễn Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1470	Dương Bảo	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1472	Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1475	Hồ Nguyễn Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1107	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1493	Phạm Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1126	Trần Huỳnh Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1499	Võ Thị Thanh	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1132	Nguyễn Thị Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1144	Nguyễn Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1508	Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1150	Trần Thị Thanh	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1151	Trần Thu	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1510	Huỳnh Thiên	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6360

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Kinh tế học đại cương (701011 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000006	Bùi Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000007	Hứa Ngọc Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000022	Kiều Đặng Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31702033	Phan Hồng Nguyệt	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000036	Lê Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31702045	Lê Thị Hồng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31900844	Trần Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000050	Võ Trương Kiên	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000056	Lê Trần Mỹ	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000059	Võ Trần Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000080	Đỗ Trần	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000081	Lê Nguyễn Bình	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000087	Trần Thị Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000088	Võ Thùy	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000094	Hồ Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000097	Nguyễn Thị Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000112	Phạm Nguyễn Quỳnh	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000116	Huỳnh Ngọc Tùng	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000130	Mai Trúc	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31800410	Nguyễn Thị Hà	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6360

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Kinh tế học đại cương (701011 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31702087	Lê Hà	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000138	Lê Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	31702088	Lê Mỹ	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000153	Lê Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31900880	Đinh Nguyên Ngọc	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000162	Phạm Ngọc Khánh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000169	Đào Thảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000171	Văn Phương	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32000174	Đặng Thụy Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	32000177	Trần Ngọc	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	32000184	Huỳnh Việt	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	32000185	Nguyễn Như	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	31702028	Trương Trần Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	31800148	Phạm Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6361

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0226	Nguyễn Trần Hoàng Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0228	Lê Tiến Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0086	Nguyễn Hải Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0233	Nguyễn Quế My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0093	Trần Nguyễn Diệu My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0235	Trương Nguyễn Ngọc Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0282	Hoàng Lê Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0115	Nguyễn Đăng Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020K0116	Nguyễn Song			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0122	Hồ Ngọc Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0285	Nguyễn Thành Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020K0139	Nguyễn Thị Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0141	Trang Cẩm Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0148	Lê Minh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0156	Bùi Đức Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020K0254	Lê Quang Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020K0258	Trần Ngọc Quỳnh Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020K0259	Lê Quỳnh Ngọc Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020K0180	Nguyễn Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020K0272	Phạm Đào Anh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6361

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020K0266	Phan Nhật Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020K0267	Võ Chí Viễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020K0186	Võ Hoàng Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020K0188	Phan Thị Trúc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6362

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0005	Đặng Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0006	Hùng Ngọc Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0008	Nguyễn Hữu Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0198	Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0199	Nguyễn Thị Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0017	Nguyễn Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0202	Doãn Xuân Hòa	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0021	Võ Thị Ngọc	Chân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020K0024	Trần Niên	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0203	Nguyễn Ngọc Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0029	Nguyễn Hoàng	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020K0037	Đặng Thái	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0042	Trần Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0278	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0052	Nguyễn Đoàn Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020K0055	Nguyễn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020K0280	Phan Huỳnh Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020K0281	Nguyễn Lê Vân	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020K0065	Khổng Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020K0220	Lê Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6362

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020K0223	Ngô Phạm Hoàng	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020K0072	Lâm Tiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020K0074	Lại Huỳnh Ngọc	Lễ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020K0075	Huỳnh Hoa Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6416

Trang: 1/1

Phòng thi: B211

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	620H0263	Hoàng Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	620H0043	Nguyễn Minh	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	620H0268	Trần Anh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	620H0207	Bùi Phan Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	620H0270	Trần Thị Thu	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	620H0051	Âu Dương Vịnh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	620H0292	Trịnh Nguyễn Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	620H0294	Giảng Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	620H0271	Tăng Quốc	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	620H0296	Mai Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	620H0275	Trần Mộc Đăng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	620H0278	Lê Nguyễn Mai	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	620H0234	Phạm Quý	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	620H0130	Trần Phạm Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	620H0299	Nguyễn Trương Thanh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	620H0250	Huỳnh Đức	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	620H0284	Nguyễn Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	620H0170	Lê Thị Minh	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	620H0254	Lưu Kỳ	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	620H0286	Đinh Thị Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6417

Trang: 1/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	620H0194	Phạm Nhật	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	620H0021	Hà Minh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	620H0024	Lê Công	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	620H0265	Nguyễn Phạm Mỹ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	620H0266	Lê Thái Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	620H0291	Lê Hữu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	620H0272	Ngô Thị Thắng	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	620H0273	Lương Thị Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	620H0082	Nguyễn Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	620H0084	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	620H0274	Vũ Đoàn Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	620H0103	Vũ Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	620H0134	Vương Tinh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	620H0280	Nguyễn Phạm Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	620H0139	Trần Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	620H0140	Bùi Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	620H0141	Đoàn Lê Ngọc Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	620H0249	Phạm Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	620H0167	Lê Ngọc	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	620H0169	Trần Phạm Thành	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6417

Trang: 2/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	620H0173	Phạm Khương Nhật	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	620H0259	Tiễn Thanh Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	620H0260	Võ Huỳnh Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6434

Trang: 1/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:36

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H0274	Phạm Nữ Phan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1046	Phạm Trang	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1052	Đỗ Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1056	Nguyễn Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H0304	Trương Lâm Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H0321	Trần Khánh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H0322	Trương Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1456	Trịnh Khánh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1071	Nguyễn Khánh	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1073	Nguyễn Thái Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H0327	Đinh Đức	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1462	Dương Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1079	Lê Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1082	Nguyễn Thị Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H0345	Nguyễn Hằng	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1091	Trần Lê Thy	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H0348	Lê Thanh Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1096	Phạm Ánh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H0364	Châu Trần Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1099	Hồ Thị Mỹ	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6434

Trang: 2/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:36

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1105	Huỳnh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H0376	Lê Trương Uyển Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H1480	Tạ Ngọc Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	720H1490	Lê Thanh Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	720H1123	Lê Hồng Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	720H0418	Nguyễn Dương Anh Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	720H1500	Nguyễn Hoàng Mai Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	720H0422	Nguyễn Hồ Công Toại			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	720H1503	Phan Thị Kiều Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	720H1139	Lê Đình Kiều Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	720H0434	Trần Thị Thùy Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	720H1142	Trần Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	720H1506	Võ Thị Tuyết Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	720H1507	Dương Thành Trương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	720H0443	Nguyễn Thị Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	720H1154	Lê Nguyễn Lan Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6435

Trang: 1/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:36

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1437	Trương Minh Việt	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1438	Đinh Thị Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1439	Lê Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1441	Lưu Hoàng Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H0277	Nguyễn Thị Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D1900016	Trần Thị	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H0289	Phạm Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1446	Nguyễn Tiến	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1447	Đỗ Nguyễn Kỳ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1063	Đặng Trần Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1451	Nguyễn Lê Thiên	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1457	Võ Thế	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1458	Trần Hoàng Dĩ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1075	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1459	Nguyễn Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H0330	Trần Thành	Lập		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H0331	Nguyễn Thị Tài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1465	Trần Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H0334	Nguyễn Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1090	Trần Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/		Họ tên: 1/		Họ tên:	Họ tên:
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6435

Trang: 2/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:36

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B18H0490	Nguyễn Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H0361	Nguyễn Thành	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H0365	Đặng Thị Dương	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	720H0373	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	720H1106	Lâm Yên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	720H0378	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	720H0394	Trần Ngọc	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	720H1494	Nguyễn Hữu	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	720H1496	Hồ Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	720H1497	Lê Đỗ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	720H0420	Trương Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	720H1138	Trương Trọng Minh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	720H0442	Nguyễn Ngọc Thanh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	720H0453	Ngô Mỹ	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	720H1153	Trần Tín	Vĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	720H1509	Cai Nguyễn Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6436

Trang: 1/3

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:43

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1440	Lê Thụy Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H0268	Nguyễn Duy Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H0286	Lê Ngọc Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1445	Lê Thị Phương	Du		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H0298	Nguyễn Vũ Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H0310	Phạm Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1064	Phạm Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1450	Trần Đình Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1065	Trịnh Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1067	Trần Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1453	Tô Thị Ngọc	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1068	Trần Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1455	Nguyễn Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1070	Trần Thị Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1463	Nguyễn Thị Ánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1466	Dương Thị Thanh	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1081	Nguyễn Võ Thanh	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1467	Hoàng Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H0337	Nguyễn Phạm Minh	Lý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1084	Nguyễn Huỳnh Diễm	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6436

Trang: 2/3

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:43

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1471	Hùynh Nguyễn Lê Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1473	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B18H0496	Hứa Bích Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	720H1474	Trần Thanh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	720H1476	Lê Thị Tuyết Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	720H1477	Phan Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	720H1481	Trương Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	720H1111	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	720H0390	Phạm Nguyễn Nhã Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	720H1486	Bùi Thanh Trúc Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	720H1488	Trần Ngô Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	B18H0519	Trần Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	720H1489	Thân Thị Mỹ Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	720H1492	Nguyễn Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	720H1119	Võ Thu Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	720H1498	Trần Vũ Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	720H0415	Trần Diệu Thường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	720H1130	Phạm Nhã Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
39	719H1046	Nguyễn Phạm Ánh Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
40	720H1504	Nguyễn Thị Quỳnh Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6436

Trang: 3/3

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:43

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
41	720H1505	Nguyễn Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
42	720H1148	Lê Thảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
43	72001574	Lu Ya Wen			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6364

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:35

Lần:1

Môn học: Kinh tế học đại cương (701011 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000905	Thiều Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000917	Huỳnh Thị Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000925	Trần Nguyễn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000926	Trần Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000930	Lê Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32000935	Hồ Thị	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000938	Lợi Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000939	Phan Thị Mỹ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000940	Trần Trương Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000942	Nguyễn Hồng	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000944	Dương Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000950	Lâm Bửu Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000951	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000952	Phạm Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000954	Trần Thị Trang	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000957	Trần Bé	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000958	Nguyễn Thanh Diễm	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000960	Nguyễn Mạnh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000961	Đào Phạm Duy	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000963	Lê Thị Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6364

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:35

Lần:1

Môn học: Kinh tế học đại cương (701011 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000964	Nguyễn Đặng Đồng	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000966	Quang Ngọc Khả	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000968	Phạm Minh Bảo	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	718H1793	Cao Hà	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000972	Dương Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000973	Hoàng Đức Anh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000974	Trần Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000975	Phạm Quang	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32000976	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	32000977	Nguyễn Lê Hoàng Trinh	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	32000981	Trần Cao	Vĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	32000982	Nguyễn Quốc	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	32000986	Lê Hoàng	Vỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	32000988	Nguyễn Thị	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	32000989	Triệu Nguyễn Phi	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6363

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Kinh tế học đại cương (701011 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000622	Lê Đỗ Thái	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000630	Lý Lê Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000890	Phan Thị Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000891	Mai Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000892	Trần Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32000894	Mai Thanh	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000895	Lương Thị Cẩm	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000898	Nguyễn Phan Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000900	Lê Thị Thu	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000901	Trần Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000639	Lê Công	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000902	Nguyễn Đặng Kim	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000903	Nguyễn Hoàng Nhựt	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000904	Nguyễn Văn	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000649	Trần Thị Mỹ	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000658	Đinh Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000663	Đặng Thúy	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000692	Lê Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000701	Nguyễn Đỗ	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000709	Lê Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6363

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Kinh tế học đại cương (701011 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000186	Nguyễn Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000215	Cao Minh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000722	Thái Vĩ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000233	Ninh Thị Quỳnh Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000236	Đinh Yến Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000726	Hoàng Thiên Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000258	Phạm Huỳnh Khánh Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000260	Bùi Nguyễn Phương Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32000735	Châu Phượng Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	32000262	Lê Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	32000739	Nguyễn Phi Yến Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	32000275	Vũ Hoàng Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6508

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 88 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001581	Nguyễn Thị Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001584	Phan Ngọc	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001652	Nguyễn Thị Quỳnh	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72000035	Phạm Quốc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000032	Lê Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000821	Trần Thị Trà	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000035	Vũ Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000202	Nguyễn Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000036	Phan Lê	Na		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001514	Nguyễn Thị Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000839	Nguyễn Thị Tú	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001616	Nguyễn Hải Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000132	Đỗ Khánh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000861	Tăng Minh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001722	Nguyễn Ngọc Thiên	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001625	Nguyễn Ngọc	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000886	Huỳnh Nhật	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000217	Huỳnh Xuân	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000895	Văn Phước Công	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000901	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6508

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 88 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000902	Phan Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000227	Phan Lê Hoàng	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000232	Lê Đức	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000211	Thái Thiên	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72000232	Lâm Triệu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C2000117	Đỗ Thị Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6509

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 88 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000235	Huỳnh Nhật	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000734	Võ Hồng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000594	Lê Thị Hương	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H2000055	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H2000392	Vòng Gia	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H2000404	Hoàng Mặc	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000398	Lưu Vĩ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000736	Đỗ Thị Tú	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000357	Nguyễn Lê Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000310	Nguyễn Trương Anh	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	92000340	Nguyễn Thanh	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000247	Đỗ Thành	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000737	Nguyễn Bạch	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H2000418	Nguyễn Ngọc Phương	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D2000241	Lê Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H2000433	Nguyễn Quang	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000119	Nguyễn Đoàn Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000352	Nguyễn Linh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H2000454	Trần Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000739	Trần	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6509

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 88 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000256	Nguyễn Thị Khoa	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H2000325	Khổng Thị Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000438	Nguyễn Phan Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	92000360	Trần Thành	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000601	Thi Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000442	Âu Dương Trấn	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H2000505	Hoàng Ngọc Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000741	Nguyễn Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6510

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 89 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000865	Võ Thị Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000867	Vũ Ngọc Mai	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000013	Nguyễn Quốc	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000872	Khổng Trần Diệu	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000351	Phan Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000352	Nguyễn Đăng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000358	Đặng Thị Bích	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000877	Huỳnh Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000359	Lê Thị Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000880	Võ Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000368	Cao Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001165	Đoàn Duy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000883	Phạm Ngọc Bích	Hợp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000884	Tô Gia	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000203	Trương Thị Thanh	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000888	Nguyễn Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000898	Lộc Trung Mỹ	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000902	Lê Bình	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000903	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000473	Trương Hà	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6510

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 89 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000907	Nguyễn Lê Quyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000717	Nguyễn Bá	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000813	Đỗ Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000821	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000929	Lê Thị Thương	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000935	Trần Ngọc Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000730	Đồng Phong	Vin		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6511

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 89 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000336	Nguyễn Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000338	Võ Đặng Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000339	Ngô Thị	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000347	Văn Quý Hoa	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000388	Nguyễn Thị	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000394	Võ Trung	Lương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000398	Phạm Nguyễn Đăng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000405	Nguyễn Thị	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000410	Nguyễn Quốc	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000291	Trần Thị Mộng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000418	Đỗ Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000419	Huỳnh Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000420	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000424	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000425	Đoàn Phương	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000426	Đỗ Tiên	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000434	Nguyễn Tất	Quyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000435	Hồ Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000443	Nguyễn Lưu Bảo	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000198	Hồ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6511

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 89 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000199	Nguyễn Hoài	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000455	Nguyễn Thị Hiền	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000203	Võ Ngọc Ái	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000458	Nguyễn Lê Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E2000460	Trần Trung	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000462	Nguyễn Thị Như	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E2000315	Vũ Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6512

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 89 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001589	Nguyễn Thị Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000374	Đỗ Hữu Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000731	Kỷ Thị Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000376	Nguyễn Mậu Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000378	Trương Thị Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000735	Huỳnh Nhật Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000740	Lê Đạt Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000742	Nguyễn Nhựt Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000747	Trần Nguyên Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000749	Võ Thành Lân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001687	Trần Thị Thùy Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001376	Trần Phú Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000110	Lê Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001704	Nguyễn Thảo Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000779	Phạm Thanh Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000782	Nguyễn Thị Thanh Nhàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000415	Nguyễn Quỳnh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000788	Nguyễn Trần Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72000875	Phạm Thị Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001726	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6512

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 89 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000431	Hoàng Thị Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000448	Nguyễn Văn Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000466	Nguyễn Thị Kiều Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	11900088	Dương Vũ Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000850	Trần Thảo Vi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000273	Khưu Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E2000478	Lê Nhựt Quỳnh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E2000480	Nguyễn Ngọc Ánh Xuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6498

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 85 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000989	Trần Duy Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000854	Vũ Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001310	Trần Đình	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000776	Nguyễn Thị Thuỳ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001217	Nguyễn Thị Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001317	Nguyễn Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000054	Huỳnh Việt	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001327	Trương Gia	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000920	Nguyễn Hữu	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000652	Nguyễn Hữu Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000830	Nguyễn Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001248	Trịnh Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000928	Phạm Thái	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001343	Trịnh Đình	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000451	Trần Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000321	Bùi Kim	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001276	Lê Thị Hồng	Son		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000953	Lê Minh	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001362	Nguyễn Trương	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000479	Lý Tân	Thoại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6498

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 85 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32001176	Nguyễn Hoài Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000905	Lê Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000258	Trần Thị Mai	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000915	Vũ Văn	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000339	Vương Nữ Kiều	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6499

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 85 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000335	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000348	Chung Bội	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	22000353	Huỳnh Thị Tiên	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	22000360	Lý Giai	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000903	Nguyễn Hoàng Nhựt	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000370	Lý	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000201	Đinh Huyền	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000378	Lê Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000206	Đặng Thị	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000384	Lâm Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000391	Lê Phương	Ni		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000300	Nrim Sỏi	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000939	Phan Thị Mỹ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B2000156	Phan Thị Huyền	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000186	Nguyễn Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000420	Đặng Lê Thanh	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000229	Đặng Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	22000425	Trương Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	22000426	Đào Thị Mỹ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C2000302	Lưu Mạnh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6499

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 85 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000208	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000218	Trâm Thị Quỳnh	Tươi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B2000429	Trần Thị Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000345	Trần Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000278	Mai Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C2000115	Nguyễn Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6500

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 85 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000333	Nguyễn Ngọc Bảo	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000376	Phạm Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H2000026	Nguyễn Ngọc	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	12000303	Ngô Tuyết	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	12000506	Trần Thị Huỳnh	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000627	Dương Nguyễn Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000308	Phùng Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000457	Hwang	Jinseon		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000338	Lê Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	12000519	Lê Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000658	Phạm Minh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000662	Phan Thái Hàn	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000411	Chu Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000666	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	12000234	Hồ Đặng Trang	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000792	Nguyễn Bảo Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	12000361	Nguyễn Lê	Sanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	12000538	Lê Thạch	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000827	Dương Thị Hà	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000695	Lê Thị Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6500

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 85 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000706	Võ Hồ Tú	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	12000548	Nguyễn Thị	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000477	Nguyễn Thế	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000709	Vương Lê	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	12000549	Lê Châu Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	12000379	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6501

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 86 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000761	Hồ Triệu Ánh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000011	Lê Thị Thuỳ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000044	Nguyễn Thuỳ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001008	Nguyễn Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000079	Lư Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000356	Trương Hoàng	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000357	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000361	Đinh Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001163	Trương Mạnh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001189	Nguyễn Bảo	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000171	Nguyễn Ngọc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000831	Trần Phùng Hiếu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000205	Phạm Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000167	Lê Thị Tường	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000841	Phạm Đức	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000932	Trương Thị Mộng	Ni		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000868	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000233	Nguyễn Kim	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000898	Lê Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000923	Trần Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6501

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 86 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001097	Nguyễn Tuyết	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000470	Phạm Nhật	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000945	Nguyễn Thị Yến	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000347	Hà Dương Tuyền	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000336	Nguyễn Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000338	Phạm Thị Kim	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6502

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 86 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000277	Trương Tô Hoài	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000344	Trần Hoàng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	A2000282	Nguyễn Văn	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000270	Nguyễn Viết	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000595	Lê Thanh	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A2000194	Trần Hoàng Gia	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A2000286	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000205	Nguyễn Thị Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000064	Uông Uông Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000303	Trương Thị Thanh	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000075	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000307	Trần Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A2000221	Nguyễn Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001037	Dương Hải	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000101	Nguyễn Lâm Thanh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000130	Yu Khánh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000255	Nguyễn Đặng Hoàng	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000423	Phạm Thúy	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000460	Nguyễn Văn	Sĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000116	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6502

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 86 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000403	Nguyễn Lê Vĩnh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000259	Phan Quốc	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000172	Nguyễn Hoài	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	D2000173	Lê Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000257	Nguyễn Hải An	Thuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001151	Đào Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	A2000352	Trần Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B2000443	Chí Mỹ	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6503

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 86 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	12000003	Đinh Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	12000201	Hoàng Lê Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000445	Louangphommaseng	Chanphen		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000615	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000263	Trương Thị Yến	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	12000017	Võ Quốc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	12000018	Mã Hương	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	12000023	Bùi Duy	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000271	Nguyễn Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H2000382	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000638	Đặng Phương	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000645	Hồ Đức	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000289	Nguyễn Thanh Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	12000068	Ngô Nguyễn Bảo	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000665	Nguyễn Sỹ Mai	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	12000070	Mai Trần Ngọc	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000747	Dangmany	Phonephi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H2000295	Bùi Lương Hà	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000446	Souksavat	Siththilath		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000447	Vilaysane	Souphans		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6503

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 86 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	12000083	Nguyễn Thị Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H2000470	Nguyễn Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	92000377	Phạm Thụy Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	12000089	Lư Kiều Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000332	Nguyễn Thị Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000707	Nguyễn Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000708	Mai Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B2000448	Xayavong Xaythong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	H2000514	Trần Kim Xuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6504

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 87 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000001	Nguyễn Nhân	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000241	Hà Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000008	Trần Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000014	Thái Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000704	Võ Thị Anh	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000268	Võ Thị Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001328	Phan Hoàng Ngọc	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72000817	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000445	Hoàng Thị Mai	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001609	Phan Đăng Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001060	Lê Quốc	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001702	Mai Bùi Bão	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000650	Lê Nguyễn Bảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72000662	Trần Thị Hồng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000911	Vũ Gia	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001622	Nguyễn Thị Tuyết	Phê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001069	Võ Duy	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000118	Trần Đăng	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000117	Cao Nguyễn	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000710	Mai Đắc Thiên	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6504

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 87 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000297	Nguyễn Thị Vân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000299	Lê Xuân	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72000925	Châu Tố	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000932	Lê Thị Nhã	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000172	Đoàn Thị Kim	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6505

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 87 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000279	Nguyễn Thanh Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000016	Nguyễn Thị Kim Đào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000008	Trương Ngô Tân Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000641	Trần Hành Dũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000773	Nguyễn Đào Đức Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000984	Nguyễn Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A2000041	Đinh Thị Ánh Hồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000022	Nguyễn Dương Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000289	Nguyễn Thị Ngọc Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000047	Trần Thị Lệ Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000132	Đỗ Như Huỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000061	Nguyễn Thị Trúc Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A2000298	Trần Thị Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000302	Nguyễn Trần Hoàng Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000309	Huỳnh Như Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000840	Lê Thanh Nhả			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000208	Trần Thanh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000848	Nguyễn Trần Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A2000100	Khương Thị Yến Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000317	Đinh Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6505

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 87 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000212	Nguyễn Minh Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000319	Nguyễn Huỳnh Yến	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000220	Võ Ngọc	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000247	Nguyễn Duy	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000307	Đặng Thị Hồng	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6506

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 87 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	12000500	Nguyễn Trúc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000387	Dương Chí Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000354	Trần Đức Chí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000709	Nguyễn Thị Thục Đoan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	12000025	Bùi Xuân Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	12000330	Lê Thị Mai Hoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72000056	Bùi Mỹ Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000554	Huỳnh Đình Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000652	Cao Thị Mai Lý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000406	Trần Cao Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000392	Lê Thị An Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000785	Nguyễn Hồng Thiên Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001712	Lê Thị Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000668	Trần Kim Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001719	Hồ Sĩ Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000514	Nguyễn Lương Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72000152	Trần Nguyễn Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000746	Mai Tavery			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31900575	Vũ Khánh Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000830	Trần Thái Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6506

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 87 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000690	Huỳnh Phạm Hồng	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000340	Nguyễn Nghiệp	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000436	Hồ Ngọc Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000728	Vũ Mạnh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H2000501	Phạm Chí	Viễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000472	Lê Thị Yến	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	12000265	Nguyễn Nhật	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	A2000350	Nguyễn Võ Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6507

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 88 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000012	Lưu Bích	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000750	Nguyễn Diễm Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001064	Nhĩn Ngọc Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000753	Phạm Diễm Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001327	Nguyễn Thị	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000045	Nguyễn Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000876	Nguyễn Nhật	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000981	Nguyễn Vũ Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000788	Huỳnh Đình	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000083	Nguyễn Thị Bích	Hợp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62001000	Trương Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000630	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001089	Lý Tống	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000320	Trịnh Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000221	Chung Thế	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000507	Huỳnh Trọng	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000885	Trương Thị Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000234	Phan Ngọc Thiên	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62001054	Phạm Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000927	Lê Nguyễn Bảo	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6507

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 88 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000933	Trương Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000303	Lê Thị Ngọc	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62001088	Nguyễn Hữu	Tỷ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000942	Nguyễn Hoàng Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000944	Nguyễn Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000324	Nguyễn Đình Nhật	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6464

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 75 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001200	Trần Ngọc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000705	Phan Hứa Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	12000320	Lê Trần Ngọc Diệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000998	Lê Hồ Diệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000491	Nguyễn Ngọc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	22000247	Lê Thị Hồng Hạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000885	Nguyễn Nhật Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000893	Mai Trần Phi Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	22000248	Bùi Ngọc Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000734	Trần Thị Xuân Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	12000033	Nguyễn Bá Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000059	Huỳnh Thị Ngọc Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000061	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000468	Sibounheuang Latsamy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000829	Lê Hoàng Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	22000098	Lê Thúy Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000130	Lê Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000143	Nguyễn Phan Thảo Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	12000071	Lê Tân Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000549	Nguyễn Bá Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6464

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 75 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000428	Phan Phương Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000961	Nguyễn Đức Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000581	Trần Nhã Thuy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000449	Trần Thùy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000597	Đặng Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000975	Phạm Quang Tuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02000262	Thái Ngọc Nhã Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6465

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 75 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000751	Nguyễn Trần Khánh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000757	Dương Thiên	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001308	Hà Trí	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72000043	Nguyễn Duy	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72000298	Bùi Phùng Phú	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000299	Nguyễn Lê Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000093	Lê Phúc	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000803	Huỳnh Thị Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000122	Nguyễn Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72000092	Dương Gia	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000153	Trần Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000241	Nguyễn Phước	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000628	Hồ Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000846	Nguyễn Thị Quyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000850	Võ Nguyễn Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000698	Nguyễn Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000703	Nguyễn Trọng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62001034	Trần Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000882	Nguyễn Tân	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000716	Nguyễn Hoài	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6465

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 75 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000243	Nguyễn Ngọc Minh	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000903	Phan Trần Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000911	Huỳnh Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000913	Trần Thị Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62001084	Huỳnh Thanh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001277	Lê Duy	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72000230	Nguyễn Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6466

Trang: 1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 75 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000166	Nguyễn Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H2000362	Phạm Nguyễn Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72000552	Thạch Bội Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C2000126	Võ Văn	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000194	Trần Thanh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000286	Nguyễn Hoàng Minh	Khan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000250	Đặng Phú	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000403	Nguyễn Thị Hải	Lý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001606	Nguyễn Thị	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001706	Nguyễn Lương Phương	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001617	Nguyễn Lê Mỹ	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000213	Lê Thị Bích	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000391	Lê Đặng Phi	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B2000152	Trần Phước	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001730	Trần Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000402	Lâm Minh	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000161	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000724	Tô Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72000461	Nguyễn Đoan	Thục		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001633	Nguyễn Nhã	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6466

Trang: 2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 75 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000186	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72000913	Nông Hồ Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000064	Trần Duy Anh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H2000164	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000065	Lê Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72000763	Huỳnh Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B2000439	Trần Triệu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6467

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 76 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	22000001	Lê Thị Thuận	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000555	Nguyễn Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	12000322	Đậu Ánh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001009	Đỗ Thị Trà	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000567	Nguyễn Trần Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	22000357	Phạm Thị	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	22000053	Hồ Hiểu	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	12000329	Nguyễn Chí	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31900194	Trần Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	11900027	Đỗ Như Ý	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001035	Phan Thị Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000083	Lữ Hà Gia	Lĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	11900030	Hà Tân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000375	Trần Thị Ngọc	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	22000101	Trịnh Bửu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	22000268	Lê Ngọc Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	22000113	Nguyễn Hồ Mỹ	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32001065	Phạm Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001068	Nguyễn Thị	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	22000404	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6467

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 76 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	22000405	Nguyễn Thị Thanh	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	22000408	Nguyễn Thành	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001175	Nguyễn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	22000214	Nguyễn Phùng Diễm	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000986	Lê Hoàng	Vỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	12000103	Nguyễn Tiến	Yên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6469

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 76 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000848	Nguyễn Văn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000749	Hoàng Lê Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001306	Hồ Nguyễn Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000688	Nguyễn Thị Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000879	Trần Văn Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000205	Hoàng Phạm Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000217	Tô Ngọc Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000394	Nguyễn Minh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001042	Nguyễn Văn Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001330	Phan Quang Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001051	Nguyễn Hải Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001334	Phạm Thành Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001335	Võ Công Lực			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001337	Lê Đoàn Phương Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001062	Vũ Quốc Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001227	Lê Phúc Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000941	Nguyễn Hoàng Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000954	Phạm Đức Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000238	Nguyễn Việt Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001371	Nguyễn Hoàng Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6469

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 76 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000263	Ngô Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001377	Trần Xuân	Triệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000157	Trương Minh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000619	Huỳnh Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000295	Nguyễn Minh	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000296	Hoàng Khắc	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	62000326	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6470

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 76 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000007	Nguyễn Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000008	Trần Ngọc Quế	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000019	Nguyễn Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C2000242	Nguyễn Thị Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000030	Lưu Huỳnh Bảo	Di		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H2000369	Trần Vũ Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000356	Dương Thị Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000029	Trương Nhật	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000049	Tạ Nguyễn Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000780	Trần Hoàng Thanh	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000055	Ngô Xuân	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000076	Mai Văn	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000270	Trần Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001679	Đặng Hoàng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000824	Nguyễn Lê Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H2000436	Mã Phương	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62001019	Phạm Hùng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000853	Trần Đình Cẩm	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001723	Lưu Hiểu	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	92000039	Huỳnh Trần Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6470

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 76 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000257	Trần Huỳnh Kim Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000890	Trần Thanh Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000893	Nguyễn Hữu Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62001046	Nguyễn Xuân Thắm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H2000321	Trần Huỳnh Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C2000301	Trần Thị Thanh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	92000326	Phạm Thị Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	62000943	Phạm Thùy Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	A2000354	Võ Mai Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6424

Trang: 1/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	519H0132	Huỳnh Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	818H0105	Đinh Vạn Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	820H0002	Dương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	820H0004	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	817H0025	Nguyễn Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	820H0007	Nguyễn Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	820H0045	Nguyễn Lê	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	818H0044	Phạm Trần	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	820H0046	Phan	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	820H0014	Nguyễn Đỗ Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	820H0020	Nguyễn Châu Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	820H0021	Lương Thị Mỹ	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000488	Nguyễn Phước	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81600086	Triệu Gia	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	820H0023	Đoàn Thanh	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000518	Bùi Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81600048	Đỗ Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	818H0079	Nguyễn Đỗ Bảo	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	817H0055	Vũ Tiến	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	817H0057	Huỳnh Ngọc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6424

Trang: 2/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	817H0058	Trịnh Minh Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81600069	Đỗ Đăng Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	820H0039	Nguyễn Lâm Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	817H0065	Lê Ngọc Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6425

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	820H0055	Huỳnh Việt	Bắc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	820H0058	Nguyễn Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	820H0047	Nguyễn Đạt	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	820K0013	Lê Đàm	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	820H0059	Mai Quang	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	820H0060	Đặng Thanh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	820H0061	Hoàng Phạm Thể	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	820K0031	Hồ Thanh	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	820H0062	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	820H0063	Phạm Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	820H0064	Lê Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	820H0065	Tạ Thanh	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	820H0066	Phan Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	820H0080	Phạm Đình Nguyên	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	820H0067	Lê Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	820H0052	Nguyễn Đoàn Xuân	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C1700076	Nguyễn Phùng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	820H0081	Trần Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	820H0083	Hồ Thành	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	820H0071	Nguyễn Đức	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6425

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	820H0054	Hoàng Lê Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	820H0072	Võ Mạnh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	820H0073	Nguyễn Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6444

Trang: 1/2

Phòng thi: B211

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Toán kinh tế (C01120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B20K0129	Đào Ngọc Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B20K0130	Hoàng Hà	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B20K0131	Cao Sơn Tất	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	219V0023	Võ Khánh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B20K0132	Phòng Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B20K0121	Huỳnh Văn	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B20K0016	Huỳnh Sâm	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B20K0133	Ngô Thành	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B20V0016	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B20K0122	Trần Hải Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	220K0081	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B20K0049	Trần Hoa	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220K0082	Vũ Minh	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	220V0008	Giáp Đặng Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B20K0134	Võ Duy	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B20K0109	Trần Trọng	Thạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B20V0017	Hoàng Diệu	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B20K0135	Lê Huỳnh Song	Thư'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220K0060	Lê Thị Thuỳ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B20K0136	Quách Khánh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6444

Trang: 2/2

Phòng thi: B211

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Toán kinh tế (C01120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	220K0083	Lê Nguyễn Phúc	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	219V0031	Nguyễn Ngọc Bích	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B20K0115	Nguyễn Bùi Nguyên	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	220K0076	Đoàn Nguyễn Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6383

Trang: 1/1

Phòng thi: B302

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:10

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420K0050	Huỳnh Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	419V0019	Trương Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420K0063	Trương Trí	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420K0053	Đặng Công	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420V0001	Nguyễn Trần Tuấn	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420K0017	Nguyễn Chí Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420K0068	Nguyễn Bình	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420K0032	Lê Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	419V0021	Trương Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420K0045	Đỗ Kim	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6368

Trang: 1/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:36

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0127	Nguyễn Thúy	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0012	Phan Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0275	Nguyễn Vũ	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	317H0046	Hoàng Nguyên	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0283	Trương Lý Hữu	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0157	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0158	Huỳnh Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0038	Phạm Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0039	Phạm Vũ	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0291	Trần Nguyên Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0294	Tạ Nguyễn Thụy	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0173	Hoàng Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0179	Trần Thị Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0306	Hồ Nhựt	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0308	Trần Thị Ánh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0056	Võ Thế	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0315	Nguyễn Võ Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0062	Nguyễn Trần Hạ	Nghy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0196	Nguyễn Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0323	Trần Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6368

Trang: 2/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:36

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	319H0083	Nguyễn Như Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	019H0165	Lê Thị Yến	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0331	Trần Lê Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0338	Trần Phạm Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0340	Lê Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0221	Bùi Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0346	Nguyễn Phan Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0087	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0097	Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0245	Lê Hoàng	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	320H0365	Trần Ngọc Mỹ	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	317H0180	Ngô Minh	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0371	Tô Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0378	Lê Nguyễn Trúc	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	320H0262	Nguyễn Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	320H0264	Trần Ngọc Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6369

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:37

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0269	Nguyễn Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0003	Trần Lâm Linh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0006	Huỳnh Mỹ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0015	Trần Bội	Bội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0137	Nguyễn Thu Minh	Đài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0146	Đinh Thị Thuỳ	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0024	Nguyễn Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0290	Vương Minh	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0301	Huỳnh Thị Kim	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0181	Phạm Hà Ngọc	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0311	Ngô Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0313	Quách Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0060	Đinh Gia	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0064	Đoàn Nguyễn Khôi	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0067	Trần Võ Hạnh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0069	Đỗ Hoàng Thanh	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0202	Trần Hoàng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0324	Huỳnh Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0072	Huỳnh Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0326	Nguyễn Hữu	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/		Họ tên: 1/		Họ tên:	Họ tên:
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6369

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:37

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0327	Đỗ Ngọc Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0079	Đỗ Thị Ngọc	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0223	Lê Nguyễn Ngân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0224	Ngô Bùi Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0348	Trần Nguyễn Thị Hoàng	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0233	Lê Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0351	Phạm Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0101	Phan Thị Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0249	Lê Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0361	Huỳnh Thị Tú	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	320H0253	Phạm Thị	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0110	Nguyễn Hồ Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0374	Trần An	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0377	Phan Thị Ánh	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	320H0119	Hoàng Thị Trường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	320H0124	Trần Bảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	320H0266	Tống Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6370

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:37

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	318H0138	Lê Vĩnh An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0273	Nguyễn Kim Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0132	Phạm Thị Kim Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	318H0151	Tô Tiểu Băng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0138	Nguyễn Ngọc Hải Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0144	Phạm Thị Kim Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0028	Huỳnh Thục Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0030	Trịnh Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0286	Phan Tăng Phương Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0160	Nguyễn Ngọc Lan Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0299	Mai Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0170	Nguyễn Hồng Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0302	Lưu Gia Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0182	Nguyễn Thị Khánh Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0305	Nguyễn Phương Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0183	Nguyễn Viết Đức Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0057	Đặng Thanh Trúc Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0322	Nguyễn Cao Bảo Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	318H0077	Nguyễn Thanh Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0330	Nguyễn Thị Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
---	------------------	--	------------------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6370

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:37

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0076	Trịnh Ngọc Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0218	Võ Ngọc Yến Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0332	Vũ Đặng Xuân Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0081	Trần Ngọc Bảo Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	318H0091	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0226	Trần Đỗ Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0347	Trương Thị Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0098	Nguyễn Lê Hoài Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0356	Nguyễn Thanh Thủy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0358	Phan Thành Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	318H0311	Nguyễn Phương Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0255	Võ Thị Đoan Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0367	Bùi Lê Ngọc Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0372	Phan Ngọc Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	320H0260	Trương Thảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	320H0380	Trần Nguyễn Cát Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	320H0383	Nguyễn Ngọc Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6371

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:39

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0002	Lê Trần Thuận	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0004	Cao Gia	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0271	Huỳnh Hà Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0129	Lê Thúy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0131	Nguyễn Lê Lam	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B18H0005	Trịnh Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	519H0150	Cao Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31900794	Trần Trung	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0145	Phan Minh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0280	Lỗ Hồng	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0034	Lê Hồng	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0035	Lương Phan Nhật	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0161	Nguyễn Thị Thu	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0163	Võ Thị Giáng	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0166	Hà Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0169	Huỳnh Như	Kiểu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0174	Lại Đào Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0175	Lý Hoài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0184	Lâm Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0307	Phan Trần Hữu	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6371

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:39

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0188	Bùi Văn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0312	Nguyễn Hoàng Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0195	Lâm Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0318	Lâm Ngọc Phương	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0203	Văn Đào Phương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0321	Chung Ngọc Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0207	Trần Thị Tố	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0073	Ngô Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0334	Nguyễn Thị Như	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0083	Lê Nhất	Sinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	320H0220	Trần Ngọc	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0341	Trương Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0227	Lý Xuân	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0229	Đường Thị Cẩm	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	320H0352	Nguyễn Thị Hồng	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	320H0241	Nguyễn Trung	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	320H0244	Dương Chí	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	320H0366	Trần Thị Thảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
39	320H0121	Ngô Triệu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6372

Trang: 1/2

Phòng thi: C208

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:36

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0268	Lê Nguyễn Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0270	Trần Nguyễn Thị Hồng	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0276	Bùi Thị Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0151	Lê Quốc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0152	Nguyễn Thanh	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0155	Lê Đỗ Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0281	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0284	Lê Thanh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0292	Lê Thị Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0295	Dương Lâm	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0043	Vương Thị Kim	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0164	Nguyễn Thụy Nguyên	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0300	Vũ Hương	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0049	Nguyễn Ngọc Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0303	Huỳnh Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0304	Nguyễn Khắc Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0314	Lê Hoàng Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0317	Nguyễn Lê Hoàng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0068	Lê Thị Huỳnh	Nha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0320	Nguyễn Thiên Tuệ	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/		Họ tên: 1/		Họ tên:	Họ tên:
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6372

Trang: 2/2

Phòng thi: C208

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:36

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0071	Trần Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0216	Phạm Thùy Diễm	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0328	Khưu Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0333	Lạc Liên	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0084	Đào Ngọc	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0342	Lương Thị Ngọc	Thẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0344	Văn Ngọc Đan	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0345	Vũ Hoàng Thiên	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0091	Phạm Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0094	Nguyễn Ngọc	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	320H0359	Phan Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0368	Tôn Lê Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0106	Trần Lương Vân	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0370	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	320H0373	Nguyễn Ngọc	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	320H0116	Nguyễn Thị Bảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6495

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 84 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72000799	Trịnh Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001115	Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001123	Nguyễn Ngô Huy	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001326	Nguyễn Thị Phúc	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001658	Hoàng Văn	Dưỡng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001659	Lê Thị Kim	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001335	Đinh Ngọc Cẩm	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001662	Nguyễn Khắc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001665	Phạm Ngọc Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001673	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001351	Nguyễn Thế	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001680	Nguyễn Thị Vĩ	Khuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000197	Dương Trần Thanh	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001124	Nguyễn Ngọc Hương	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001681	Trần Phương	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001683	Đinh Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001365	Trương Văn	Lĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32001043	Cái Minh	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000657	Đỗ Thị	Lương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000627	Trần Thị Tú	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6495

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 84 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000207	Nguyễn Lê Hoài	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000417	Vương Tử Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001224	Võ Lê Minh	Nhụt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000869	Đào Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000880	Nguyễn Đức Thái	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72000162	Nguyễn Thị Hồng	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32001088	Đào Nữ Kim	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Họ tên:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6496

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 84 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000605	Phạm Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001646	Trần Thị Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001647	Trần Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001650	Nguyễn Thị	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001654	Nguyễn Đức	Doanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001656	Ngô Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001657	Nguyễn Đình	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000264	Mai Trúc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001599	Hoàng Nguyễn Duy	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001692	Nguyễn Phú Bình	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001612	Huỳnh Đỗ Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001513	Bùi Như Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001614	Huỳnh Thị Tú	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001533	Thái Thuận	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001725	Cao Trần Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001727	Phạm Lê Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000146	Trần Tuấn	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72001739	Nguyễn Phạm Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001429	Nguyễn Bùi Bảo	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001635	Nguyễn Quế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6496

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 84 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001558	Hồ Nguyễn Uyên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001750	Lê Võ Đăng	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001637	Huỳnh Văn Đan	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001640	Nguyễn Nhật	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001641	Trần Quang	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001455	Trần Minh Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001758	Phạm Thị Kim	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6497

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 84 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000380	Phan Bửu	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H2000364	Bùi Thị Kim	Cương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000023	Nguyễn Tân Cát	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	12000319	Liêu Trường	Dĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000047	Nguyễn Lê Trung	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H2000064	Lê Thị Cẩm	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000400	Mai Thị Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000891	Trần Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000405	Phan Hoàng Tuyết	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000113	Ngô Toàn	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000295	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000391	Hồng Ngọc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000301	Nguyễn Thị Phương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000303	Võ Thiên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001619	Nguyễn Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001620	Nguyễn Hữu	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H2000448	Nguyễn Minh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H2000451	Trần Phan Đại	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000142	Lâm Trí	Quyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001628	Đặng Viết	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6497

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 84 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000153	Thái Tân Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000185	Hoàng Thùy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	51900714	Phòng Đạt Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H2000162	Lê Thị Ngọc Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H2000177	Trần Hoàng Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000224	Trần Thị Hồng Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000441	Nguyễn Anh Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H2000513	Trương Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6494

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 83 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001318	Huỳnh Đặng Xuân	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000372	Nguyễn Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001655	Hồ Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001661	Nguyễn Thị Phương	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001120	Ngô Tịnh	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001670	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001344	Nguyễn Tân	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001674	Huỳnh Kim	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31900440	Thái Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001682	Lâm Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000579	Hoàng Đoàn Hải	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000093	Mạc Nguyễn Xuân	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H2000420	Nguyễn Thanh Bình	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001697	Phan Thị Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001698	Đào Xuân	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000112	Huỳnh Đặng Thảo	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001380	Huỳnh Thế	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72001700	Hoàng Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000785	Nguyễn Huỳnh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000129	Trần Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6494

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 83 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	12000245	Phạm Ngọc	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001743	Trần Minh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001147	Lê Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	D2000335	Đoàn Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000435	Nguyễn Thị Thảo	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	12000261	Lê Quốc	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000443	Nguyễn Trần Mai	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02000861	Vũ Trương Yến	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6493

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 83 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001578	Nguyễn Thái Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001458	Nguyễn Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001590	Nguyễn Lê Ngọc	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72000950	Nguyễn Đặng Cát	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001593	Lý Trần	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001602	Trần Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001603	Trần Quang	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001605	Đinh Thị Cẩm	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001607	Nguyễn Ái	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001608	Nguyễn Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001611	Hoàng Thị Ngọc	Ngà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000397	Huỳnh Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001516	Nguyễn Cẩm	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001707	Nguyễn Thị	Nhǎn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001519	Kiều Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001522	Huỳnh Thị Triệu	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001618	Nguyễn Trần Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72001527	Nguyễn Thị	Nhớ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001709	Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001626	Nguyễn Nữ Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/		Họ tên: 1/		Họ tên:	Họ tên:
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6493

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 83 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001733	Trần Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001549	Biện Thị Hồng	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001556	Hà Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000749	Võ Thị Huỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001561	Nguyễn Thanh	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001149	Huỳnh Võ Ái	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001636	Đoàn Yến	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6492

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 83 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000185	Trần Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72000012	Bùi Thị Nguyệt	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000011	Lý Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000030	Nguyễn Tân Nguyên	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000342	Trần Minh	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001465	La Văn	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000193	Lê Đức	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000052	Trần Tân	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001496	Trần Nhã Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000814	Trương Thị Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000282	Nguyễn Lê Khương	Mân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001381	Dương Mỹ	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001382	Nguyễn Khả	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001384	Mai Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000705	Trần Lai	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72000147	Nguyễn Lê Phương	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000949	Nguyễn Thanh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000709	Lê Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001411	Đặng Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001422	Trịnh Thị	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6492

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 83 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001423	Trần Thị Thu	Thùy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	72001430	Nguyễn Thị Huyền	Trâm		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	72001432	Hồ Ngọc Bảo	Trân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	C2000158	Cao Thị Thùy	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
25	72001446	Nguyễn Anh	Tuấn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
26	42001113	Nguyễn Viết	Vũ		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
27	72001452	Đỗ Thị Thúy	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6486

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 81 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000240	Đinh Thị Trung	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000724	Nguyễn Mai Xuân	Bách		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000861	Nguyễn Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001143	Trần Văn Bá	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000969	Đinh Nguyễn Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000283	Mai Thị Thu	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000046	Thái Tiến	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000192	Võ Thị Mỹ	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000647	Nguyễn Đình	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001025	Vương Đình	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001183	Phạm Hoàng Thái	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000198	Phan Thị Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000763	Nguyễn Hoàng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000199	Nguyễn Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000322	Nguyễn Phạm Thảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000249	Phạm Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000063	Lê Thanh Hải	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000224	Nguyễn Kim	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000928	Trịnh Thị Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001106	Hồ Thành	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6486

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 81 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62001086	Hùynh Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000938	Nguyễn Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000180	Phan Thị Minh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C2000304	Bùi Nguyễn Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000263	Hoàng Thị Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000163	Lê Hậu	Vính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6491

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 82 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	12000008	Lê Phương	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	12000317	Nguyễn Huy	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	22000027	Thái Hiền	Cơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	12000012	Phạm Trung	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000619	Ngô Lương Hữu	Duẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000387	Lâm Ngọc Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000277	Trần Văn	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000447	Nguyễn Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000448	Mai Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000284	Diệp Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H2000405	Nguyễn Nhất Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000648	Thái Quốc	Kiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000087	Trần Thị Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000455	Vũ Đạt	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	12000345	Lê Thị Lan	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000289	Võ Nguyễn Thanh	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000669	Hồ Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000296	Nguyễn Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000177	Trần Ngọc	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000162	Nguyễn Xuân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6491

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 82 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000428	Phạm Huỳnh Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	12000085	Đinh Nguyễn Uyên	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001632	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	22000292	Phan Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000427	Nguyễn Hữu	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	12000093	Lê Ngọc Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	22000222	Trần Trác	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6490

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 82 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001582	Mai Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001468	Nguyễn Hồ An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001594	Trương Giai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001485	Hoàng Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001675	Kim Huỳnh Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000053	Nguyễn Trần Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001676	Lưu Hữu Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000059	Phạm Xuân Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B2000273	Hồ Thị Cẩm Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001499	Hồ Thị Lý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001691	Trần Như Thanh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001503	Nguyễn Nguyệt Gia Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001517	Huỳnh Trung Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001718	Trương Dương Đình Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001724	Phan Ngọc Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001403	Lê Thị Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001541	Lê Hồng Thắm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72001407	Nguyễn Văn Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001731	Trịnh Minh Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000408	Trần Mạnh Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6490

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 82 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001742	Lâm Trường	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001551	Trần Đình	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001438	Trần Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6487

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 81 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000755	Trần Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000756	Mai Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000758	Đoàn Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	A2000012	Võ Hồng	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000782	Huỳnh Công	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000784	Nguyễn Trọng	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000789	Đặng Mai Tuấn	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001140	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000819	Nguyễn Định	Luật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000062	Võ Cẩm	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000827	Nguyễn Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000083	Huỳnh Hoài	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000172	Văn Khánh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000843	Lâm Tâm	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000851	Nguyễn Đình	Nhu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	22000399	Hoàng Vũ Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000934	Trương Duy	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000879	Trương Trần Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000888	Nguyễn Võ Duy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000896	Huỳnh Thị Mỹ	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6487

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 81 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000897	Lê Thị Hồng	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001173	Nguyễn Trần Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000910	Bùi Đoan Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000916	Đinh Minh	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000667	Nguyễn Viết Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	22000220	Phạm Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6488

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 81 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000286	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000874	Lê Nguyễn Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D2000036	Nguyễn Tiến Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H2000380	Trần Thị Kim	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000640	Ngô Viết	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000678	Phạm Đăng	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000347	Đỗ Thị Huyền	Lạc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000890	Phạm Thị Huyền	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H2000417	Hà Thị Trúc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001058	Nguyễn Lê Tuấn	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000395	Hồ Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000106	Phạm Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000109	Trần Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000587	Nguyễn Thanh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000402	Châu Ngọc Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000860	Lầu Thiệu	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001067	Ngô Đoàn Vĩnh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000420	Nguyễn Vũ Khánh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000432	Ka	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000609	Nguyễn Anh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6488

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 81 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000445	Bùi Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000448	Trần Thị Kim	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H2000327	Trương Ngọc Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000421	Đào Nguyên Nhã	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H2000489	Nguyễn Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000833	Lại Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02000621	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000226	Bùi Vũ Lê	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6489

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 82 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001317	Đoàn Ngọc Phúc	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000847	Nguyễn Hoàng	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000325	Tăng Duy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001301	Hàn Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000859	Trần Trương Duy	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000022	Nguyễn Quốc	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000025	Nghiêm Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000537	Vương Trần Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000658	Đặng Anh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000369	Nguyễn Công	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000790	Phan Thanh	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001366	Phan Văn	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000145	Nguyễn	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001378	Lê Dương Thủy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001215	Đoàn Đại	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000144	Hồ Long	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000635	Trịnh Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000210	Lê Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72000990	Nguyễn Thảo	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000441	Nguyễn Thành	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6489

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 82 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000957	Đỗ Ngọc Thạch			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62001049	Phạm Hoàng Minh Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000709	Lê Thị Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000843	Lý Minh Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000164	Nguyễn Hoàng Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6483

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 80 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000622	Lê Đỗ Thái	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000870	Trịnh Khả	Di		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000767	Đặng Cao Trúc	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000772	Trần Bùi Khánh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	A2000021	Trần Phạm Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000978	Nguyễn Phước	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000778	Hồ Phương	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000781	Huỳnh Nhật	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000785	Nguyễn Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000077	Phạm Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000791	Phạm Thị Ánh	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000792	Trần Hoàng	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000796	Vũ Thị Thu	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000901	Nguyễn Thành	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000801	Vũ Thị	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001049	Đàm Hoàng Hải	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000866	Nguyễn Thị Anh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000942	Trần Nhựt	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000707	Bùi Tân	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000114	Trương Thanh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6483

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 80 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000712	Lại Văn Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000963	Trần Hoàng Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000967	Nguyễn Đăng Tình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000949	Huỳnh Khánh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000328	Nguyễn Thị Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000952	Đinh Lê Hải Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6484

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 80 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72000544	Lương Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001022	Tạ Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000977	Nguyễn Thị Ngọc Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000363	Trần Thị Phượng Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000825	Trần Nhật Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000829	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000837	Trịnh Đình Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62001018	Bùi Ngọc Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72000407	Lê Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000849	Nguyễn Trịnh Ý Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000857	Nguyễn Hiệp Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000864	Đậu Ngọc Mai Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62001032	Nguyễn Hoàng Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000889	Nguyễn Võ Hoàng Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000891	Nguyễn Ngọc Thạch			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72000447	Nguyễn Thị Phương Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62001057	Nguyễn Phạm Minh Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000900	Ngô Phương Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000907	Trần Nam Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000908	Lương Thị Hoài Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6484

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 80 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000261	Nguyễn Hoài Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000918	Lê Văn Tới			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000920	Phạm Diệu Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000931	Nguyễn Ngọc Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000951	Triệu Trần Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000953	Nguyễn Thị Tiểu Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6485

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 80 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000246	Nguyễn Thị Diệu	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001138	Nguyễn Đức	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	22000341	Vương Trí	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	12000327	Trần Phương	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001153	Phạm Văn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000357	Đào Thị	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000505	Đặng Hữu Nhật	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000363	Nguyễn Thị Thu	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001318	Phan Văn	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001319	Lê Thế Khanh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	12000035	Trần Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000399	Trịnh Hoàng Tuấn	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	22000368	Võ Thị Thanh	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000369	Tiêu Ngọc	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	22000373	Phan Thị Tuyết	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000566	Nguyễn Phạm Tân	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	22000377	Phạm Nguyễn Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	22000378	Trương Thị Thanh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001716	Nguyễn Hoàng	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001720	Trần Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6485

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 80 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000588	Lê Minh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001372	Nguyễn Ngọc Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	22000186	Trần Thị Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	12000372	Nguyễn Hoàng Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	22000434	Hà Thị Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	22000217	Lê Đoàn Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	12000378	Trịnh Cảnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	72001643	Huỳnh Thị Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6446

Trang: 1/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Đại số ma trận và phương pháp tính (801064 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	817H0014	Nguyễn Thanh An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	820H0002	Dương Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	820H0004	Nguyễn Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	820H0007	Nguyễn Nhựt Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	820H0045	Nguyễn Lê Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	820H0046	Phan Hữu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	820H0047	Nguyễn Đạt Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	820H0014	Nguyễn Đỗ Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	817H0029	Nguyễn Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	820H0020	Nguyễn Châu Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	820H0021	Lương Thị Mỹ Lê			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000488	Nguyễn Phước Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	820H0023	Đoàn Thanh Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000518	Bùi Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	817H0009	Mã Nhất Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81600053	Vũ Văn Quyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	820H0052	Nguyễn Đoàn Xuân Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	817H0058	Trịnh Minh Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81600069	Đỗ Đăng Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	820H0039	Nguyễn Lâm Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
				Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6446

Trang: 2/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Đại số ma trận và phương pháp tính (801064 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	817H0065	Lê Ngọc Tùng			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6426

Trang: 1/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:37

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000435	Nguyễn Trung	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000016	Bùi Lê Quốc	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000021	Huỳnh Quốc	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000027	Trần Quốc	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000028	Lê Nhựt	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000034	Phạm Văn	Được		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81800104	Nguyễn Hoàng	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000058	Bưu Hoàng Nhật	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000060	Huỳnh Khắc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000062	Lê Anh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000218	Ngô Hoàng	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000081	Hồ Đình	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000090	Nguyễn Vỹ	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000092	Lê Bửu	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000348	Võ Duy	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000099	Huỳnh Công	Luận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000106	Nguyễn Ngọc	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000115	Phan Việt	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000117	Trần Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000221	Nguyễn Hoàng	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6426

Trang: 2/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:37

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000358	Lương Nhật Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000224	Nguyễn Minh Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000360	Nguyễn Quang Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000128	Nguyễn Văn Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000132	Đặng Kỳ Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000136	Phạm Xuân Quyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000153	Hồ Đức Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000155	Phạm Quốc Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000163	Huỳnh Phước Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	82000169	Lê Trung Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	82000170	Lê Xuân Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	82000176	Nguyễn Huỳnh Gia Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	82000180	Huỳnh Châu Hữu Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	82000186	Phùng Tú Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	82000374	Trần Nguyễn Minh Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	82000189	Lưu Nhật Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	82000378	Lê Quang Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/		1/
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6442

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Đạo đức và trách nhiệm xã hội (303052 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31801011	Nguyễn Lữ Minh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001196	Phạm Trần Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001199	Lâm Nhựt	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001202	Trần Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001204	Hà Thị Kim	Cúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001207	Võ Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001209	Hoàng Hải	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001210	Nguyễn Thị Thuỷ	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001211	Nguyễn Quốc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001212	Phạm Đình	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001213	Trần Phạm Anh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001215	Hoàng Thị	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001217	Nguyễn Thị Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001218	Nguyễn Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001226	Nguyễn Đoàn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000822	Lưu Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31801070	Lê Thị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31900201	Thi Huệ Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000521	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000522	Võ Thùy Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6442

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Đạo đức và trách nhiệm xã hội (303052 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000525	Lâm Thành	Nghị		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000840	Lê Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000533	Đặng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000844	Ngô Quang	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000555	Trịnh Lương Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000852	Đoàn Thị Minh	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000599	Trần Minh	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000857	Nguyễn Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6447

Trang: 1/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Đại số ma trận và phương pháp tính (801064 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	820H0055	Huỳnh Việt	Bắc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	820H0057	Nguyễn Phi	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	820H0058	Nguyễn Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	820K0013	Lê Đàm	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	820H0059	Mai Quang	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	820H0060	Đặng Thanh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	820H0061	Hoàng Phạm Thể	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	820K0031	Hồ Thanh	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	820H0063	Phạm Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	820H0064	Lê Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	820H0065	Tạ Thanh	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	820H0066	Phan Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	820H0080	Phạm Đình Nguyên	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	820H0067	Lê Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C1700076	Nguyễn Phùng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	820H0081	Trần Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	820H0083	Hồ Thành	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	820H0071	Nguyễn Đức	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	820H0054	Hoàng Lê Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	820H0072	Võ Mạnh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6447

Trang: 2/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Đại số ma trận và phương pháp tính (801064 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	820H0073	Nguyễn Ngọc Tú			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6373

Trang: 1/1

Phòng thi: B209

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:14

Lần:1

Môn học: Môi trường và phát triển (302031 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320K0001	Nguyễn Lê Phúc	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320V0009	Trương Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320K0025	Nguyễn Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320V0010	Đặng Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320K0026	Nguyễn Thị Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320V0011	Trần Phạm Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320V0012	Nguyễn Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320K0027	Lê Đức	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320V0013	Triệu Huỳnh Thảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320K0037	Phạm Lê Vân	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320V0003	Nguyễn Phạm Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320K0011	Lê Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320K0019	Nguyễn Bùi Bảo	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320K0038	Trần Nguyễn Việt	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6448

Trang: 1/1

Phòng thi: B211

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:8

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420K0050	Huỳnh Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	419V0019	Trương Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420K0063	Trương Trí	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420K0053	Đặng Công	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420K0017	Nguyễn Chí Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420K0068	Nguyễn Bình	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420K0032	Lê Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420K0045	Đỗ Kim	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6443

Trang: 1/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Đạo đức và trách nhiệm xã hội (303052 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001228	Lê Thị Tuyết	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001230	Lưu Ngọc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001233	Phùng Thị Hồng	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001239	Nguyễn Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001243	Trần Thị Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001255	Trần Thế	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001257	Vương Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001258	Đinh Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001260	Trần Thị Bội	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001266	Lưu Hồ Diễm	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001274	Phan Thị Cẩm	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001276	Lê Thị Hồng	Son		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001278	Bùi Thị Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001281	Lý Quốc	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001283	Võ Thị Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001288	Vũ Thị	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001289	Ngô Vũ Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32001290	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001294	Nguyễn Thị Quế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32001296	Ngô Thị	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6443

Trang: 2/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Đạo đức và trách nhiệm xã hội (303052 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32001299	Lê Thị Kim	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001301	Nguyễn Hữu Minh	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001303	Bùi Thị Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32001306	Cao Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001308	Lê Thị Phương	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001309	Trịnh Vũ Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6439

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:34

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000324	Lê Mai	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000434	Nguyễn Thế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000438	Phan Trọng	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900594	Kheing	Chandara		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000446	Nguyễn Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000448	Phan Thanh	Điền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000449	Thái Hoàng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000453	Nguyễn Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000455	Phạm Văn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000460	Nguyễn Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000049	Lê Minh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000462	Nguyễn Đức	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000212	Đinh Thanh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000468	Dương Tài	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000469	Đỗ Tân	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000345	Lâm Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81502036	Nguyễn Nhật Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000067	Nguyễn Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81502008	Võ Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000476	Nguyễn Vỹ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6439

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:34

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000489	Nguyễn Tân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000491	Lý Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000350	Nguyễn Văn	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000107	Lê Bảo Huyền	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000222	Lê Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000120	Hoàng Linh	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000121	Bùi Đặng Trọng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000127	Nguyễn Trần Quốc	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000130	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	81900165	Mai Thanh	Sử		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	82000370	Phan Sỹ	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	82000171	Phạm Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	82000234	Ngô Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	82000204	Huỳnh Ngọc Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6438

Trang: 1/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:36

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000442	Lê Hoàng	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000444	Đoàn Bảo	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000447	Trần Văn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000450	Khổng Quang	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000452	Nguyễn Hoàng Nhật	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000454	Nguyễn Thái	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000456	Trần Phú	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000470	Huỳnh Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000471	Nguyễn Triệu	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000474	Nguyễn Huỳnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000478	Châu Nguyễn Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000480	Châu Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000481	Lý Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000492	Nguyễn Trọng	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000493	Nguyễn Phạm Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000496	Nguyễn Hiếu	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000498	Nguyễn Minh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000500	Huỳnh Thanh	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000503	Trương Quang	Nho		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000504	Nguyễn Văn	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6438

Trang: 2/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:36

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000515	Trần Đăng Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000516	Trương Quang Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000522	Lê Đắc Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000526	Bùi Đình Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000528	Đinh Tiến Sĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000530	Trương Hoài Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000532	Nguyễn Bá Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000533	Lục Phi Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000541	Đặng Trường Thọ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	82000542	Nguyễn Minh Thoại			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	82000729	Nguyễn Thương Tính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	82000552	Lê Xuân Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	82000558	Nguyễn Minh Triết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	82000561	Nguyễn Thành Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	82000565	Lê Văn Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	82000569	Nguyễn Anh Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6440

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:34

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000570	Nguyễn Thanh An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000715	Trần Việt Bắc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000716	Nguyễn Chí Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000742	Hean Bunkan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000573	Bùi Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000576	Trần Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000577	Nguyễn Hải Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000719	Nguyễn Đắc Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000579	Trương Hồ Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000580	Huỳnh Tân Nhựt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000507	Trần Minh Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000508	Lê Đại Phi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000581	Hoàng Văn Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000513	Trần Thanh Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000514	Nguyễn Lương Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000517	Phan Anh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000583	Đào Hữu Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000519	Lê Huỳnh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000521	Đinh Diện Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000525	Nguyễn Phú Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6440

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:34

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000527	Đào Văn Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000743	Kim Sengthay			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000529	Huỳnh Trần Thái Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000534	Nguyễn Văn Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000535	Trần Ngọc Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000537	Đoàn Trung Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000547	Nguyễn Minh Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000586	Trịnh Phúc Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000554	Nguyễn Đức Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	82000555	Trần Đình Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	82000557	Lê Minh Triết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	82000559	Lê Quốc Triệu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	82000587	Phạm Phương Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	82000564	Trần Thanh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6437

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:33

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000003	Phạm Văn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000436	Trà Thái Hoàng Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000440	Lâm Bình Chi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000445	Nguyễn Phú Thiên	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81302007	Lê Hoàng Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000331	Nguyễn Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000208	Lê Hoàng Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000333	Lê Huỳnh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000717	Lê Đức Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000464	Nguyễn Tiến Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000059	Đoàn Tân Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000216	Lê Đức Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000066	Nguyễn Quốc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000473	Trương Văn Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000487	Nguyễn Văn Duy Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000494	Phan Hoài Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000501	Trần Thành Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000505	Nguyễn Minh Nhựt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000509	Lê Thành Phi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000582	Cao Nguyễn Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6437

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:33

Lần:1

Môn học: Cơ học cơ sở (800041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000531	Cao Trần Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000150	Nguyễn Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000726	Lương Chánh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000585	Bùi Duy	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000538	Nguyễn Phương	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000543	Huỳnh Nhật	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000544	Nguyễn Đường Gia	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000546	Lê Huỳnh Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000550	Lê Nguyễn Trọng	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	82000560	Lê Hoàng	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	82000562	Trương Hiếu	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	82000568	Nguyễn Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	82000201	Nguyễn Hữu	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/	1/	
2/	2/	Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6432

Trang: 1/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:31

Lần:1

Môn học: Đạo đức và trách nhiệm xã hội (303052 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000466	Lạc Đặng Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001194	Lê Hà Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000468	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31900995	Phạm Hùng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001200	Trần Ngọc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32000485	Nguyễn Đỗ Nam	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000491	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000497	Lữ Phúc Lục	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000821	Nguyễn Thị Trâm	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000829	Lê Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000833	Hà Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000837	Võ Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000524	Trương Bảo	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000530	Lưu Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000534	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000536	Nguyễn Hồng	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000549	Nguyễn Bá	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000566	Nguyễn Uyên	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000850	Nguyễn Trọng Khoa	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000579	Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6432

Trang: 2/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:31

Lần:1

Môn học: Đạo đức và trách nhiệm xã hội (303052 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31900575	Vũ Khánh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000581	Trần Nhã	Thuy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000585	Nguyễn Thị Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000853	Huỳnh Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000590	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000592	Phạm Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000593	Phạm Thị Huế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000597	Đặng Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32000601	Nguyễn Thị	Tư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	32000610	Đỗ Phạm Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	31900786	Nguyễn Thị Phi	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6441

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:31

Lần:1

Môn học: Đạo đức và trách nhiệm xã hội (303052 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001203	Nguyễn Thị Chúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001206	Lê Thị Kim Cương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001208	Nguyễn Thị Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001216	Nguyễn Lam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001220	Diệp Hồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001221	Võ Nguyễn Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001222	Nguyễn Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001224	Nguyễn Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001225	Ngô Quan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001229	Trần Lai Bửu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001231	Nguyễn Cao			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001232	Nguyễn Thị Băng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001242	Lê Thanh Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001248	Trịnh Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001250	Nguyễn Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001251	Nguyễn Thị Bích			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001256	Phan Thị Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32001262	Thái Yên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001264	Nguyễn Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32001265	Phạm Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/		Họ tên: 1/		Họ tên:	Họ tên:
2/		2/		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6441

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:31

Lần:1

Môn học: Đạo đức và trách nhiệm xã hội (303052 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32001279	Nguyễn Khắc	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001280	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001282	Trịnh Việt	Thân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32001284	Nguyễn Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001287	Lý Thành	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001291	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32001295	Trần Thụy Đoan	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32001300	Lê Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32001304	Nguyễn Thị Khánh	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	32001310	Lê Thị Ngọc	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	32001311	Lê Thị Phi	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: 1/ 2/	Họ tên: Chữ ký:	Họ tên: Chữ ký: